

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 19

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN.

TRONG PHẦN 4 CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười bốn vị, phụ có hai vị).

1/ Truyện ngài Thích Tăng Định trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô thời Tiền Đường.

2/ Truyện ngài Thích Đạo Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu, thời Tiền Đường.

3/ Truyện ngài Thích Pháp Ứng trụ chùa Thanh Thiền ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

4/ Truyện ngài Thích Trí Châu ở Võ Châu, thời Tiền Đường.

5/ Truyện ngài Thích Pháp Tạng ở núi Tử Cái thuộc Chung Nam, thời Tiền Đường.

6/ Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu, thời Tiền Đường.

7/ Truyện ngài Thích Trí Hy trụ chùa Quốc Thanh ở Đài Châu, thời Tiền Đường.

8/ Truyện ngài Thích Trí Mãn trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu, thời Tiền Đường.

9/ Truyện ngài Thích Tăng Ung trụ chùa Hóa Độ ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

10/ Truyện ngài Thích Quán Đảnh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường (Trí Hy, Quang Anh).

11/ Truyện ngài Thích Trí Tảo trụ chùa Quốc Thanh, ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường.

12/ Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Quốc Thanh, ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường.

13/ Truyện ngài Thích Trí Tạng trụ chùa Phong Đức ở núi Chung

Nam, thời Tiền Đường.

14/ Truyện ngài Thích Pháp Hỷ trụ chùa Tân Lương ở Ung Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Tăng Định trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô:

Thích Tăng Định, người xứ Đôn Dương, vốn học Luận Thành Thật, nhiều lần bị sét đánh, nên bị bệnh phong hủi. Sư bèn tự nghĩ rằng: “Thân hình khác các bạn, học phải đời vết”. Bèn ngăn dứt nhìn lại, quy tông Thiên Phủ. Đầu tiên Sư đến gá ở Lâm phụ thuộc Chung Sơn, vắng lặng một mình. Thị giả là sa-môn Đạo Du cung cấp hầu hạ, mỗi ngày Sư chỉ ăn một chén cháo trắng gạo tẻ. Ngoài ra thì Sư buộc niệm nối nhau, chẳng thẹn với Cảnh Không. Suốt mấy năm Sư chẳng bước vào xóm ấp, chỉ dạo trong định tâm, lại thêm sâu mầu, cho nên khiến cửa ngõ càng ẩn kín, nhà nấp tự đổi mới, tường nhà cao vợi, trái thuận lạnh nhạt chút lòng thành được ứng nên sự khổ tự tiêu, cuối cùng khiến thân, đầu, mặt, mắt cùng một lúc tròn sạch, râu tóc đều mọc vượt hơn ngày thường. Tuy phước cảm đã cùng, nghi mạo gặp bội lúc thường, mà hai hàng lông mày rất dày dài tới vài tấc, xanh đỏ xen lẫn mới là kỳ lạ.

Sư đã thuộc hàng linh thụy như thế, nên càng chí thành mài giũa sớm tối. Trong núi có nhiều hổ dẫm bước thành lối đi. Bốn tánh Sư nhân từ, nên hổ lại vào trong thất, trước giường dưới sân chỉ toàn vết chân hổ. Có khi thiên tượng chợt khởi chưa thể an tĩnh, nên suốt đêm Sư đi quanh núi, chẳng kể cây rừng ngang ngạnh, thú dữ, chim chóc, thấy chúng đông từng đàn, mà Sư vẫn an nhiên như đi giữa chợ thành. Sự có đức cảm hàm dục, không thể sánh được.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy xây dựng chùa ở Tây Kinh, xa thỉnh Sư đến trụ ở đó. Tâm của Nghiệp định không làm việc thế tục. Còn như thọ giới lễ sư thì hết lòng thuận theo, tham dự ở chốn tôn nghiêm, nghe liền lánh ẩn. Sư từng bị bệnh Thương hàn, khắp mình nóng sốt, bèn y như thường bắt chân ngồi kiết già, bỏ ăn ba ngày. Có Sa-môn Bảo Cung là bậc thượng thủ nơi đạo tràng, là học trò của Sư, đến gần gũi dẫn dụ khiến Sư ăn. Sư bảo: “Thế lực của bệnh sắp lấn lướt, mạng sống chẳng thể bảo toàn, nên dùng pháp mà cứu giúp, sao lại dùng đến ăn ư?” Và Sư ngậm miệng ngồi yên, qua bảy ngày thì cơn bệnh đau khổ tiêu tan. Sư lập tiết tháo cốt yếu tại tâm, đại loại như thế.

Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, Sư gá tâm tại chùa

Thái Hòa ở Nam Sơn. Có bọn cướp đến cướp phá, Sư vẫn không kinh sợ. Bọn cướp bảo: “Há chẳng nghe trong thế gian có bọn giặc Nô ư?” Sư bảo: “Giả sử như có giặc Lang, tôi còn chẳng sợ, huống gì là giặc Nô?” Nhân đó, bọn giặc lột sạch y phục của Sư, nhưng Sư chẳng tỏ vẻ kinh sợ. Đến khi với chiếc chăn gạ Sư ngồi, giặc sắp muốn kéo lấy, Sư liền nắm giữ mà bảo rằng: “Ta nhờ nó mà sống qua mùa đông, nay các ông muốn lấy đi thì mạng ta sẽ chẳng ai cứu giúp, chợt đoạn dứt mạng sống ta tại đây, mà tấm chăn này không thể lìa mạng ta”. Bọn giặc cùng nhìn lẫn nhau rồi bỏ đi.

Đến tháng sáu niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiên Đường, nhân bị bệnh nhẹ, Sư ngồi kiết già như thường, bất chợt thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

2- Truyện ngài Thích Đạo Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu:

Thích Đạo lâm, họ Lý, người ở xứ Cáp Dương thuộc Đồng Châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư phát tâm xuất gia, vào núi Thái Bạch, cất am nơi hang sâu, bắt đường leo lên. Chỉ ăn cây lá để nuôi thân mạng, dùng chánh pháp để ràng buộc tâm, không còn tạo tác gì.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Huyền Tông được mở mang, ban sắc độ bảy vị xuất gia, chọn lựa khắp cùng, Hữu ty hỏi thăm, tìm chọn được Sư. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đích thân ban lệnh xuất gia, Sư tha thiết chối từ chẳng được, bèn tâu vua rằng: “Bần đạo nghe kể sĩ ở chốn núi rừng đã đi thì không trở lại, Khí Hạo nhiên riêng kết chặt nơi suối rừng. Mong được liền vết đã đi, nên lẽ ra nghĩa bắt Phạm quán. Bệ hạ mở rộng Pháp môn, chuyển tải lảng trong đất biển. Xin lấy gọi này để kính ngưỡng”. Vua nói: Danh hợp với thật tương, đến đã rất lâu. Thiên sư chỉ lệ thuộc công phủ, còn thân mặc tình gá ở núi non!” Sư chẳng theo đó bèn trốn trở về núi Thái Bạch, lấy nghiệp trước làm chính. Về sau, có người tấu trình việc ấy, mới lại tìm khắp ngõ hẹp, cùng hang đến huyệt, mới lại bắt được, nhưng Sư tiết tháo chẳng thiếu. Vua ban sắc lao nhọc ân trọng, sùng kính khác thường, ban tặng các vật như lò hương, v.v... vẫn ban lệnh cho Sư về trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Phùng Dực. Sư đến trụ ở đó một thời gian ngắn, lại lánh đến ở phía Bắc của Lương Sơn, bờ sông xoay quanh, địa thế rất vững chắc. Sư đục núi làm hang, tu Đạo trong đó.

Đến tháng bảy niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiên Đường, Sư cảm thấy bị bệnh nhẹ, bèn dạy răn môn nhân thị giả chớ vượt luật

nghe. Lại nghe có tiếng kèn lá vang vọng giữa hư không, các hàng đạo tục kính mến nhóm họp, lại giáng loại quả có mùi thơm lạ, lớn như trái đào trái táo, đại chúng đều lượm nhặt mà cúng dường, chẳng ai biết tên quả đó là gì, đem đốt phát ra mùi thơm, người nghe sinh tâm kinh hãi. Trải qua ba ngày, tinh thần khí lực vẫn sáng tỏ, Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Lưu lại nhục thân đến bảy ngày mà sắc tướng không biến đổi, bèn đến phía Tây núi, đục khám mà tôn trí. Đại chúng nhóm họp như mây giăng có tới hàng muôn người, cổ vũ mà đón rước. Sư sống chết vẻ vang như thế!

Từ khi Sư nhập Đạo, ẩn cư làm đầu, từ khi sống đến khi chết, đều kiêm ước làm việc chính. Người nữ là gốc sinh ái nhiễm, riêng dạy răn mong mỏi, nên một đời Sư thường chẳng nhìn mặt, chẳng nói Pháp cho họ nghe, chẳng theo nhận thức ăn, chẳng bước lên nền phòng. Đến nỗi trước lúc thị tịch, có người đến hỏi thăm bệnh Sư. Sư cách ngăn mà thâm biết, xa ngăn không cho đến đối diện. Hạnh Sư thanh khiết, thông với cõi u, Sư từ bi tế độ sinh linh, sâu xa bảo hộ tánh mạng mọi vật. Như với các loài chấy rận, Sư mặc tình để nó tới lui. Sư thường từ từ gỡ y phục lên, sợ nó kinh hãi loạn chạy. Tấm lòng nhân dục ấy khó có ai tiếp nối được.

3- Truyện ngài Thích Pháp Ứng trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh đô:

Thích Pháp Ứng, họ Vương, người ở xứ Cối Kê thuộc Đông Việt sinh ra. Từ thuở nhỏ mà tánh Sư đã độ lượng trầm mặc. Tùy trú duyên tướng, nghĩ sâu khó đổi dời.

Năm hai mươi tuổi, Sư xuất gia, kính thờ sa-môn Đàm Sùng, là bậc Học tông Thiên nghiệp, sự tích ngài thấy ở biệt truyện. Bấy giờ, là đầu thời Bắc Chu (557), cửa Định mới khai mở, Sư kính pháp thực hành, thường thú hưởng về Đạo, thích ứng môn học, rất đáng được đứng đầu. Sau, gặp họa Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn lánh vết đến ở núi Chung Nam, cơm áo chỉ bằng lá thông. Sư ẩn thân suốt sáu năm, chuyên tu niệm tuệ, để dứt trừ tội xưa, do sự tinh tấn mài giũa nên pháp môn càng sáng sạch. Tâm dụng có chỗ đặt, vọng cảnh lắng trong, thường cảm các loài cọp sói đến ngồi sỏm bên cạnh lò, hoặc vào trong cửa, dường như có nhân quan hệ nhau. Sư vốn hiểu thấu sinh duyên, lại giỏi về thiền bệnh, nên đối với nó như chó nhà. Sư truyền cho Tam quy, từ đó dần quen rất nhiều loại ấy.

Đến đời Tùy (561) khai việc hóa Độ, Sư bèn trở lại phụng thờ

ngài Sùng Công. Định nghiệp ở Sư đã sâu nên được ấn khả. Đồ Chúng ở đó có đến năm trăm vị, Sùng Công đều giao phó cho Sư duy trì, Sư dạy trao cất nhắc xứng với lòng chúng trông mong. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm nhơn những bậc có đạo nghiệp cao sâu, tinh thông tam học đang hoằng hóa khắp trong nước, kính đưa về Thiên Phủ. Chọn được hai mươi lăm vị, trong đó, người có hạnh giải cao sâu, chính là Sư. Vua ban sắc vào trong nội thành riêng đặt năm chúng. Mỗi một chúng đề cử một vị sớm tối dạy trao thực hành. Sư nhận lãnh đồ Chúng có ba trăm vị ở chùa Thật Tế, nối nhau truyền nghiệp. Bốn thứ cần dùng cúng dường đều xuất từ Hữu Ty. Tiếng tăm vang xa. Vua lại ban tặng ba trăm tấm lụa, Sư bèn dùng vào việc tu tạo một tạng kinh, và đích thân thọ trì.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư không bệnh tật gì mà tự bảo rằng: “Nay tôi sắp đi, đã có hương hoa hiện đến đón rước!” Nói xong, Sư thị tịch tại chùa Thanh Thiên, thọ tám mươi tuổi.

4- Truyện ngài Thích Trí Châu ở Võ Châu:

Thích Trí Châu, tự là Viên Lăng, họ Triệu. Tổ tiên Sư vốn người ở Hạ Phi thuộc Từ Châu. Dưới thời nhà Tấn, Sư dời sang bên kia sông đến ở Khúc Phụ, thuộc huyện Lô. Sư có thần dụng vượt xa, sáng tỏ ở thanh ỷ.

Trong độ tuổi theo học tiểu học, Sư từ giã cha mẹ vào Đạo, kính thờ Pháp Sư Thao chùa Pháp Lưu thủy làm Hòa-thượng. Pháp sư Thao là bậc mao miện ở xứ Ngô Việt, là rường cột của Phật Pháp. Sư chăm chỉ găn gũi hầu hạ, chia thời gian mà thừa hỏi. Sau khi thọ giới cụ túc, chí khí Sư đặt nặng việc học rộng. Bấy giờ tại chùa Đại Trang Nghiêm có Pháp sư Tước là bậc Nghĩa Phủ Kinh tứ, Đạo ngài Hùng Bá, Sư bèn mang rương kinh thâm đến ở lại chuyên nghiên cứu một năm tận cùng đầu mối bến bờ, lại đồng như sông lạnh.

Từ khi đất Kim Lăng mất sự bình định, Sư an bước trở về phương Đông ở nơi chùa cũ, mở mang Tam Bảo. Học chúng đồng bạn nhóm họp giảng nói thành chúng đông. Chỉ vì lâu ngày nhàm chán chốn thành thị, sớm quen nơi đồi núi hang hóc, nên Sư vượt cao, ẩn vết tại chùa Tuệ Tụ ở núi Mã An. Nhân Trí hợp ở đó không hề dời đổi. Mà dừng nước đến xem, hỏi đạo càng kết chặt. Các bậc niên cao Đạo lớn đều thỉnh Sư xuống núi giúp ích các hàng đạo tục. Chẳng câu nệ tiểu tiết, nên Sư nhận lời. Các vị bày kinh điển khắp chỗ ngồi, các bậc trượng khí phủ đầu. Lửa Đức đã tiêu, tăng đồ chẳng nhóm họp, Sư bèn trở về hang

cũ. Lại gặp đất đổ dưa nứt, thuận thời mà trái nặn, nổi trôi không buộc ràng, vắng lặng xao động đều mất.

Đến ngày mồng năm tháng bảy niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiên Đường, nhân bị bệnh, nên Sư thị tịch tại nhà của Thứ Sử Võ Châu là Tiết Sĩ Thông ở phía Nam Thành Đại Lai, thọ sáu mươi bảy tuổi. Đến ngày hai mươi tháng mười một năm đó, giặc rút lui, đường vắng lặng. Các đệ tử Sư như Sa-môn Pháp Độ v.v... đón rước kim quan Sư về núi cũ. Khi ấy người vật điều tàn hoang sơ, mồ mả chưa chôn cất. Mãi đến ngày mười lăm tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiên Đường, các đệ tử Sư như Sa-môn Tuệ Mãn, v.v... đến ở đỉnh núi phía Tây chùa sửa sang thiết lập viên phần (tháp tròn).

Sư vốn có phong thái nhân đạm, thức ngộ cao xa, dáng đập đáng nhìn, tới lui có phép tắc. tâm lượng bao dung cả núi biển, khí điệu vượt cả ráng mây, được mất chỉ một tâm từ bi thương xót muôn loài. Cùng thông chẳng thay đổi tâm lực, mừng giận không biểu lộ ra bên ngoài. Kính chuộng các bậc Tiên đạt, dẫn dắt nâng đỡ hàng hậu tấn. Các hàng Đạo tục nghe danh đều lấy làm phép tắc. Thêm vì Sư rất dốc lòng mến thích trùng triện, rất giỏi về các lối chữ thảo, chữ Lệ. Bên cạnh đó lại quán suốt Đồ sử, rất khéo về Thiên Thập. Sư cùng người anh là sa-môn Bảo Ái, đều tám gọi dòng Pháp. Dưới thời nhà Trần, cả hai phương đều nổi tiếng, giảng luận Thành Thật, Tiểu Chiếu Đề Huyền Chương, Niết-bàn, Đại Phẩm, v.v... mỗi bộ có hơn mười biến, kiêm và tạo lập điện các, hiên cửa bao quanh tráng lệ ở đương thời. Tu tạo tôn tượng Bồ-tát Di-lặc cao trượng sáu có sáu đứa trẻ bao quanh. Lại có Tư Không Hà Sung ở đời Tấn tạo lập bảy khám tượng bằng đất bùn, vì trải qua thời gian lâu dài, nên thánh nghi bị hư hoại rơi nát, Sư bèn thỉnh về chùa Lưu Thủy, sơn phết đắp vá, họa vẽ khắc sơn các màu xanh vàng, khai mở đức tin, hiển bày Đạo pháp.

Sa-môn Thích Đạo Cung ở chùa Hồi Hương nói rằng: “Tôi vì run rẩy quyền khúc, chẳng hợp với khuôn phép, mà thợ đá dừng rìu bỗng nhìn ngó. Thường khơi dòng liền gần suốt ba năm, vạch mây đối trắng, ngâm phú thơ của Tào Lục, xô đá ban gai, biện luận của Tăng Triệu, Đạo Dung, nên người yên ở, cậy màn lễ mà hoang vắng, cảnh hạnh chẳng truy tìm, nhìn thông Cao mà ghen ngào, sợ gò hang đối đời, trúc vốn khó lâu dài, gá đạo mầu nơi xanh biếc, dương thanh trần ở bất hủ”. Và có bài minh viết rằng: “Thành quách năm ấm, gò đồi sáu giặc, keo chắc lưới ái, quán quanh dây nghiệp. Điều Ngự hùng mạnh, Từ Bị chột khởi. Đường nguy vắng lặng, biển uest chột trong, tám cây ngầm phát,

năm Sư làm khuôn phép soạn, gồm Di huấn ấy, khắc ứng với Khai Sĩ, giới châu sáng sạch, ngưng trong nước Định, có Đạo có Đức, biết đủ biết dừng. Học gồm các kinh, nghĩ sâu ngoài lời. Lạc thuyết sông rớt, đượm gió mây tụ. Bầy chúng then chốt, bốn Bộ áo đai, bày giềng thuận mối, ấy đó là lành. Đường đi đấm mắt, đến hóa ven sông. Qua lại mặc vật ẩn hiện theo thời. Bình bát yêu dấu, Tịnh Độ hẹn. Có sinh có diệt sao mừng sao buồn. Hồ đóng hãm xưa, bít mở gò cũ. Xuân giao cỏ bằng, nên núi thông khoan. Rừng tối chim đậu, qua sâu lạnh bít, khéo biết về chân, cao ngoài hư phụng!”.

5- Truyện ngài Thích Pháp Tạng ở núi Tử Cái thuộc Chung Nam:

Thích Pháp Tạng, họ Tuân, người ở xứ Dĩnh Âm thuộc Dĩnh Xuyên. Năm ba tuổi, cha của Sư qua đời, Sư sống với mẹ. Đến mười tuổi, mẹ Sư qua đời, chỉ một mình tự sống, nhân họa khổ ấy mà Sư tỏ ngộ sâu xa vô thường, đến nương nhờ Tam Bảo để được Phước đức chở che.

Ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Thiên Hòa thứ hai (567) (niên hiệu “Thiên Hòa” (566 - 572) là của Vua Võ Đế (Võ Văn Ung), thời Bắc Chu, Vua Minh Đế (Võ Văn Dục 557 - 561) ban sắc độ tăng. Khi đó Sư hai mươi hai tuổi, liền theo xuất tục. Đến niên hiệu Thiên Hòa thứ tư (569) nhân ngày Đản dục Hoàng tử, vua ban chiếu tuyển chọn các bậc danh đức mời đến cung Lễ Tuyên, khi ấy Sư có dự trong số đó. Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) tự thân rảo bước dưới điện, miệng gọi “Tiên Ty” và hỏi chúng tăng, tất cả lặng yên không một ai đối đáp. Sư đang ở hàng cuối liền bước ra giữa chúng, làm điệu bộ đáp lời “Tiên Ty”. Cả chúng trong điện đường đều vui mừng với lời đáp ấy. Vua sắc bảo với trăm quan rằng: “Đạo nhân (Pháp Tạng) thân nhỏ mà tâm lớn, vượt xa các đồng bạn, đáp lời của trăm đây. Há chẳng là Đạo nhân tài giỏi ư?” Nên vua ban sắc tặng Sư hai trăm mười quan tiền. Do đó, thường xuyên được thăm hỏi. Thân Sư tuy ở trong chùa mà tâm niệm ở chốn rừng sâu. Thánh Hiền xưa nay đều nương tựa ở núi vắng.

Tháng hai niên hiệu Kiến Đức thứ hai (573) thời Bắc Chu, Sư với tâm chí rộng lớn, ôm bát mang rương, tìm đến núi Tử Cái. Núi ấy tức là một ngọn thuộc núi Chung Nam, lập riêng thiền phòng dưới đỉnh núi cao, mặc áo bá nạp, ăn bột củ truyệt lá thông. Mặt hưởng trời xanh mà bốn tước tâm, hít thở mây trắng mà lấp chí. Đến ngày mồng tám tháng giêng niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) Sư đi bộ lên đỉnh núi, bỗng

nhiên gặp được bảy nhánh hạnh ngọt, liền lấy ăn, thấm đượm mùi vị đặc biệt rất ngon. Sư rảo quanh kiếm tìm, đều không biết từ đâu mà có. Đã đội ân thâm giúp đỡ, Sư chỉ siêng năng giữa mài đạo nghiệp. Đến ngày hai mươi ba tháng tư năm đó. Vua Võ Đế bắt đầu phá hủy tôn tượng thiêu đốt kinh điển, bắt chúng tăng hoàn tục. Đủ hai năm, chỉ một mình Sư ở chốn núi rừng, nương Đạo tự ẩn, suốt thời gian dài tám năm, Sư thường nghĩ tưởng đến ngày mở mang lại chánh Pháp.

Đến tháng chín niên hiệu Đại Tượng thứ nhất (579) thời Bắc Chu, dưới thời vua Tuyên Đế nếu là vua Tuyên Đế (Võ Văn Huân), thì phải là niên hiệu Đạo Thành (579 - 579) còn nói niên hiệu Đại Tượng (579 - 581) tức thuộc vua Tĩnh Đế (Võ Văn Diễn). Sư bèn xuống núi để yết kiến vua, trong ý muốn làm hưng thịnh Tam Bảo. Sư đến cửa phía Nam của thành, không được cho vào tới lui luận đạo. Võ Hầu Phủ thượng Đại Phu Thác Vương Mãnh. Thứ Đại Phu Ất Lũ Khiêm hỏi: “Sư từ đâu đến, bề bạn hiện ở đâu, thí chủ là người nào?” Sư đáp rằng: “Từ niên hiệu Kiến Đức thứ ba (573) tôi bỏ chùa vào núi, đến tháng bốn niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) mới cấm ngăn tăng chúng, chỉ một mình tôi ở tại núi. Lấy hang rừng làm nhà ở, lấy chim thú làm chúng bạn, lấy cỏ cây làm thức ăn. Song, tự nghĩ rằng “khắp trong nước, không đâu chẳng phải là đất của Vua”. Đã ở tại núi Tử Cái, ăn dùng thức ăn ở núi, xét sự cung cấp ấy thì chính là chỗ ban thí của Chí Tôn”. Thác Vương Mãnh, v.v... tấu lên vua. Vua ban sắc rằng: “Trẫm muốn làm Bồ-tát cai trị hoàng hóa, vị tăng ấy đã từ núi Tử Cái mà đến, thật rất hợp với ý Trẫm, nên bảo để tóc dài, mặc đội áo mào Bồ-tát làm chủ chùa Trúc Hồ”. Sai nội Sử Bái Quốc Công Vũ Văn Dịch xem xét thi hành, Nội Sử thứ Đại phu Đường Di Nguyên Hành cung kính tâu rằng: “Chúng tăng trong nước đều phải theo lệnh hoàn tục, độ riêng một người tức là trái với sắc chiếu của Tiên Đế (Võ Đế). Đến tháng mười, Sư riêng ra mắt vua ở phía Đông thành. Vua Tuyên Đế hỏi về tên gọi Tam giáo: “Trẫm muốn làm Bồ-tát cai trị hoàng hóa, hoặc hiện thân trời, hoặc từ đất vọt lên, hoặc hiện thân nai ngựa, dùng đó mà hóa Đạo, nhiếp phục chúng sinh. Vậy thế nào?” Sư dẫn sự tích về hai người con (Dược Vương, Dược Thượng) của Vua Diệu Trang Nghiêm Vương can ngăn cha mình. Sư lại bảo: “Bệ hạ khi xưa làm Thần tử Không có khả năng can ngăn, khiến cho Tiên Đế đốt phá Thánh điển, linh tượng để đúc tiền. Theo sự nghịch hại đó thật không khác với Tần thử Hoàng”. Vua tức giận bảo: “Trái với mình chiếu của Tiên hoàng, trẫm đây đều có thể xử hết”. Sư bảo: “Kính xúc phạm đến Thanh nhan, xin được hành hình giữa đô thị,

khiến u hiển cùng trông thấy, thật đó là bốn tâm của tôi”. Khi đó Vua bảo trói buộc dây treo, mà từ khí của Sư không kinh hãi, trải qua chín lần tấu, Sư đặt để ngôn từ càng rõ ràng. Đã đến lần tấu thứ mười, vua hỏi: “Đạo nhân có khiếp sợ chăng?” Phái Quốc Công tấu rằng: “Sự quý trọng của con người không gì hơn tánh mạng, xử thân ở chốn cực hình, thì làm sao không khiếp sợ cho được!” Vua xịu mặt biến sắc, bèn bảo rằng: “Chân nhân hộ pháp, giúp ta và chúng sinh, đó là ngỗng hộ giúp khâu. Trẫm không giết người vô sự, nên bãi bỏ hình tội ấy, không cần phải hỏi một điều gì, ban tặng áo mao Bồ-tát, y như trước vẫn làm chủ chùa Trúc Hồ.

Sư thường được ban ân sủng mạng, được tiếp nối giòng giống họ Thích, đã được tái sinh, bèn từ già Vua, Sư đến các chốn suối rừng núi đầm, chỉ muốn sâu lắng trầm ẩn. Ngự Sử Bảo Hoàng vâng sắc muôn năm ở năm huyện Trường An, Lam Điền, Chu Chất, Hộ, Độ, dẫn Sư cùng đi. Trẫm muốn hằng ngày trông thấy, không được trầm ẩn. Tuy được ân ban sắc, nhưng Sư chưa hề mở mang hoàng hóa, ám ức uất kết tâm linh, nghĩ nhớ Thánh Đạo. phước đức của nhà Bắc Chu sắp sụp đổ, thời vận nhà Tùy sắp hưng khởi. Ngày hai mươi lăm tháng năm niên hiệu Đại Tượng thứ hai (580) thời bắc Chu, Tùy Tổ (tức Văn Đế - Dương Khiêm) làm Tướng, ở Hồ Môn học sáu tháng. Sư lại xuống núi cùng Đại thừa tướng, đối luận về Tam Bảo suốt đêm, bèn được xuống tóc, ban tặng một bộ pháp phục, mười lăm xấp tơ nhiều màu, một Thạch tảo Thanh Châu. Sau đó, Sư về lại núi. Đến đầu tháng bảy, tiễn Sư xuống chiếu cho Sư ngài cùng Cánh Lăng Vương xem xét độ tăng tất cả một trăm mười vị và đều ban tặng Pháp phục. Mỗi vị đều trở về chỗ ở của mình. Riêng Sư ở lại qua đêm tại Tương Đệ, ban đêm luận bàn về giáo thí.

Đến ngày mười ba tháng hai niên hiệu Đại Định thứ nhất (581) thời Bắc Chu, Thừa tướng lên ngôi (tức Vua Văn Đế - Dương Khiêm) liền đổi niên hiệu là Khai Hoàng thứ nhất, thuộc đời Tùy. Qua ngày mười lăm, Vua ban sắc tuyền tìm các vị tăng đã được độ trước đến tại chùa Đại Hưng Thiện vì nước nhà hành Đạo. Từ đó, dần dần khai mở truyền bá khắp trong nước. Ấy nếu chẳng do Sư có giới hạnh trong sáng, thiền tâm chứa nhóm tràn đầy, thì đâu thể nhiều lần vào nơi cửa cung, từng lên ngôi giường của Vua ư? Từ đó về sau thường có ân sủng sắc ban đều riêng thêm vào an ủi một nhọc. Và vua ban sắc cho các hàng Vương Công đều nên biết ý trẫm như thế.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ hai (582) đời Tùy. Nội sử Xá nhân Triệu Vĩ tuyền sắc cung cấp mỗi tháng các thứ Phục linh, Táo, Hạnh,

sữa, dầu, củi, lửa lấy làm thường liệu, nhưng tánh Sư vốn tại rỗng lặng, chẳng mưu cầu danh lợi. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Sư tự tấu trình ngưng mọi thứ thường liệu, chỉ tùy thí cung cấp. Võ Hầu Tướng Quân Sách Hòa Nghiệp là người có tâm thanh tín, thỉnh Sư đến nhà, phụng cúng lễ ngộ đặc biệt. Do sự huân xông chứa nhóm điều lành, nên Sách Hòa Nghiệp bèn xả thí chỗ ở, xây dựng thành chùa Phật. Sư hướng dẫn tục nhân khóa lệ thiết trai cúng dường mười ngàn vị Tăng. Hữu Bộc Xạ Tô Oai thường đến tham yết và dựng xây đại điện tôn nghiêm. Xá Nhân Bùi Củ tuyên sắc “Thiền sư Pháp Tạng là vị đứng đầu xuống tóc cho chúng tăng”. Lại thiết lập Đại trai hội, sự hưng thịnh của việc Hoằng pháp, thật không ai có thể sánh bằng! Tại chỗ Sư ở có thể làm pháp cứu giúp. Nay, đó là chùa tăng ở cửa phía Bắc phường Long Chính.

Sư thường dùng lòng nhân từ để nhiếp lự, có ban thí cho các loài cầm thú, đều nướng tựa đó mà được sinh dưỡng. Con ngỗng thì biết thời mà đến đi nhiều xung quanh, con chó cũng quá giữa trưa chẳng ăn. Các thứ pháp luật như thế, không thể ghi chép đầy đủ.

Vua Dương Đế (tức Dương Quảng 605 - 617 đời Tùy) khi đang ở tại Tấn Phiên, có Lâm Thái úy là người con thứ ba bị bệnh lâu ngày nên chết yểu, an táng tại chùa ấy, bèn khắc bài minh rằng: “Đường đời như huyễn hóa, sinh tử tự bọt nổi. Con chết non sao ngăn số, Bành tổ tu pháp gì? Than ôi! Con ta chết đi không lưu lại, mãi làm hạt giống Pháp, mãi làm bạn pháp!” Nhân đó, cúng dường Sư chiếc gậy “Linh Thọ” và nói rằng: “Mỗi lúc cầm gậy này thì xin nhớ nhau!” Sư bảo: “Con vương nhân chết non nên mãi đến với Pháp môn, Pháp Tạng tôi cầm gậy Linh thọ, sao dám quên đức ư?” Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) Tùy tổ đến Thất Dự ở Tề Châu, từ các hàng Vương Công trở xuống kính tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, và sắc ban tôn trí tại chùa Tế Pháp để cúng dường.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Vua Văn Đế tu tạo sáu tôn tượng Phật Thích-ca, và ban sắc tôn trí tại chùa Sư ở. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Thái tử Nguyên Đức qua đời, tất cả mọi sự tu tạo phước nghiệp như ấn chú kinh tượng, điện Phật. Vua Dương Đế đều giao phó cho Sư. Đến cuối niên hiệu Đạo Nghiệp (617) đời Tùy, Vua Dương Đế lại ban sắc cho chín cung đều xây dựng Chùa viện, tiếp độ chúng tăng, trông coi nối nhau duy trì. Vì tiếng tăm của Sư vang khắp nên Vua bổ nhậm Sư vào làm Thượng tọa chùa trong cung Thái Bình. Sư vỗ về tiếp nối các hàng thiếu đạt, không trái với

chỗ đến.

Đến lúc nhà Đại Đường dựng nghĩa (618) trăm người đồng một lòng. Hoài An Vương mở lập ra Bình Kỳ ở chùa ấy. Nhân đó, Sư nhận sự thỉnh cầu cúng dường trọn đời của Hoài An Vương. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, tình phụng dưỡng càng lớn, ân báo không cùng cực. Cuối cùng do khuyết điểm xây chùa chưa triển khai, Hoàn An Vương tiện vật, vốn mong cầu mà chẳng được như ý, Sư cũng qua đời vào lúc ấy.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại Quán Đài thuộc huyện Hộ. Nhân đó an táng tại chùa Vân Tế ở phía Nam gò Vũ Vu. Có sa-môn Hiếu Tài sớm vốn biết đức hạnh Sư nên soạn bài minh khắc trên đá, dựng bên cạnh khám.

6- Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Trinh Châu:

Thích Tuệ Siêu, họ Thân Đồ, người ở xứ Lộ Thành thuộc Thượng Đãng. Sư thấu rõ Đạo, ôm hoài bão trắng trong, chí khí tự sương băng. Mới đầu Sư phủ áo bỏ tục, đi về hướng Bắc, đến Tấn Dương, lấy thiền niệm làm nghiệp chính. Tuy lược xem qua Danh giáo nhưng Sư rõ khắp được chánh tà. Và Sư riêng y cứ vào sự thực hành, chẳng duyên theo ngôn thuyết. Mới lập đạo tràng riêng dựng, bày nghi tượng, phướn hoa giao liệt mọi thứ đầy đủ thanh tịnh tươi đẹp. Lại nhóm hợp các thứ hương lạ, bày nhiều phẩm loại. Mỗi lúc đốt hương cúng dường, khói hơi xen lẫn nhau, Sư thường ở yên trong đó; đắp mặc y pháp, thanh tịnh ngồi thẳng, rõ soi giác quán, xét nét đến chí nghiệp, nên có mùi thơm lạ xông khắp phòng thất. Linh cốt đầy bình, tùy dùng phước lưu lại đầy số khuyết thiếu, mà chẳng biết tại sao như thế!

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) xây dựng chùa Thiên Định. Vì Sư là người nổi tiếng, nên vua thỉnh Sư đến kinh đô, nghiêm tịnh giới y khác hơn ngày thường, cảm điềm bày cúng không trái nguyên do từ trước đến nay.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, vì chốn quê cũ ở Tinh Châu, các vị có đức tin phần nhiều hóa Đạo phó duyên mà nghĩa nạn có hạn ước. Sư bèn về lại chùa Hưng Quốc, các hàng Đạo tục mừng vui dâng lễ kết giao. Mãi đến mùa đông niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, vì cơn bệnh sốt rét lâu ngày không bớt, Sư cho biết mình sắp qua đời. Cả chùa đều nhóm họp đứng đợi lắng nghe

Di quyết. Sư vẫn ngồi thẳng như thường, tinh thần càng sáng rõ, bảo với Đại chúng rằng: “Cùng ở nhiều năm, phàm tình dễ cách biệt, nếu có cùng xúc não nhau xin nguyện khai mở cõi lòng. Nhưng, cõi người khó gặp, tâm lạnh dễ mất, ngày nay tự bảo nhậm, chớ lầm sai thân sau”. Nói xong, Sư đặt tay ở tim, bất chợt thị tịch. Có người thấy Sư không tiếp đối, cho là Sư chưa tịch. Khi lấy bông tơ đặt vào mũi thử xem, thì mới biết Sư không còn thở, Sư thọ hơn bảy mươi tuổi.

Nhục thân Sư ngồi thẳng như Thần Cảnh, nhan sắc dáng mạo càng sáng sạch. Có mùi thơm lạ xông quện đầy thất, tràn tỏa giữa sân. Tiếng nhạc vang vọng giữa hư không, chẳng biết từ đâu đến. Môn nhân Đại chúng rất kinh hãi, khiến cho các hàng sĩ nữ đua nhau kéo đến, buồn thương lạnh lẽo, hương hoa hiến dâng đầy nghẽn chùa viện. Đến tháng mười hai năm đó, sắp đến ngày an táng. Các hàng tăng tục khắp bốn phương đầy đường tranh nhau đến trước. Từ chùa đến núi có hơn mười dặm, mà người ngựa, xe hoa mọi việc v.v... như ở chợ lớn. Dùng giường dây làm kiệu, nhục thể Sư ngồi như nhập định. Đường sá đã đông nghẹt, đi lại khó thêm, bèn xoay đầu về phía Tây thành phá hoang đến nơi phần mộ. Chúng lại bức bách v.v... như trời sập, bèn tắm liệm bên cạnh chùa Khai Hóa, thuộc núi Long phụ, đào huyệt để tôn trí. Lại để qua một năm, mà nhục thân Sư vẫn nghiêm nhiên không tan rã. Khác với ngày thường, cúng lễ, hương hoa không dứt, sau đó lập hang, an trí tháp ở trên, khắp minh trên đá, đức dày của Sư.

7- Truyện ngài Thích Trí Hy trụ chùa Quốc Thanh ở Đài Châu:

Thích Trí Hy, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Tổ tiên đời trước của Sư nhân làm Quan mà dời nhà đến ở tại Mân Việt. Từ tuổi nhi đồng mà Sư đã khác với các trẻ nhỏ khác, tâm vượt ngoài mọi vật. Thấy già bệnh chết, liền thấu đạt cõi đời như chàm bọt mong manh, tự xét tỉnh hôn trầm, thương xót bao kẻ chìm đắm. Càng thêm chán lìa như là kẻ thù. Sư bèn phát thệ nguyện muốn thoát khỏi trần lao, tìm đến các thắng cảnh. Nghe Đại Sư Trí giả là bậc kháng chí ở núi Thiên Thai, an Thiền tại Phật Lũng, răn dạy đường mê, làm bến bờ dẫn dắt cho đời, Sư tâm thành kính ngưỡng, bèn bỏ công việc giữa sóng xanh, năm hai mươi tuổi mới được theo chí nguyện. Chỉ một lần gặp gỡ, đã thành thầy trò. Khi luật nghi đầy đủ, Sư bảm thọ thiền quyết, thêm tu tịch định như cứu lửa cháy đầu. Tâm như ngựa được điều phục, mọi tán động đều dứt trừ. Sư vâng theo Di Chỉ thường ở tại Phật Lũng, là nơi đạo tràng tu thiền. Những vị ưa thích tam-muội đều cùng nhau quy ngưỡng, những lúc rảnh

rồi ngồi thiền thì Sư lại chỉ huy xây dựng già-lam. Điện đường phòng nhà đều trang nghiêm, chỉ còn kinh đài chưa xây dựng được. Ban đầu định nhóm họp nhân công, có núi Hương Lô, là nơi cao vợi hiểm trở, cây rừng đẹp lạ. Nhưng thần kỳ ở đó rất linh nghiệm, từ xưa đến nay không ai dám đưa mắt nhìn sườn núi ấy, huống gì là có người nào dám bước lên mà đốn chặt cây. Bấy giờ, mọi người bàn với nhau rằng: “Nay đã vì tạo dựng kinh đài cúng dường Pháp Bảo, tại đỉnh núi Hương Lô có giống cây Sinh Bách là loại cây tinh túy quý giá nhất trong các loài cây gỗ, ta hãy cùng nhau lấy loại cây ấy để sung vào việc cúng dường”. Bàn xong, bèn đến dò hỏi ý Sư, trình bày cụ thể sự việc như trên. Ngừng trong giây lát, Sư bảo: “Thần núi gìn giữ quý tiếc, không nên vợi vàng!” Mọi người đều không ai dám nói thêm lời nào, mỗi người tự trở về chỗ ở của mình. Đêm đó, Sư mộng thấy có người dâng sớ tâu rằng: “Tất cả cây Sinh Bách ở núi Hương Lô đều xả thí cung cấp tạo dựng Kinh đài!” Đã cảm được thâm minh chỉ bảo như thế, Sư liền chỉ huy chuẩn bị mọi thứ thức ăn vật dụng, phân bộ các thợ vào núi đốn lấy. Vị thị giả hỏi Sư rằng: “Hôm qua không cho phép, sao nay lại đi chặt lấy?” Sư bảo: “Hôm qua do người khác, nay thì do Ta, cứ chặt lấy không sao, ta sẽ chịu trách nhiệm.” Mọi người vâng lời Sư bảo mà lên núi đốn lấy. Cây sinh bách chỉ sống ở nơi núi non hiểm trở, mà đều lấy được không có trở ngại gì.

Ở đời Trần, Tiên Sư Trí giả có bảo rằng: “Khuyên hóa trăm họ từ các bãi nhỏ ở núi Thiên Thai cho đến ven biển nơi nào có sông khe đều xả thí làm ao hồ phóng sinh, dứt hẳn việc vớt bắt các loài thủy tộc.” Trong đời Tùy cũng vậy, mọi sự đều qua sắc chiếu. Từ khi nhà Tùy mất đi, trong trăm họ sau này, mọi người tạo nhiều điều ác, đua nhau đóng đặt đăng nơm đầy khắp sông khe, các loài thủy tộc bị thương hại yếu tử, không nơi mách bảo, bèn cùng nhau đánh lễ Thiên sư. Sư đến nơi khám thờ Tiên sư, đốt hương chú nguyện. Đang khi đó có một ngư nhân thấy một vị tăng đứng trên chiếc đăng, ý cho là sẽ bị rơi xuống nước, bèn đem thuyền muốn đến cứu, nhưng khi đến nơi thì không thấy gì cả. Nhân đó, trong các đăng nơm đều không có được cá. Mọi người cùng nhau bỏ ác làm lành, bèn dứt bỏ việc vớt bắt các loài thủy tộc.

Bấy giờ, có Sa-môn Pháp Vân muốn đến đỉnh núi Hương Lô để tu hạnh Đầu-đà. Sư can ngăn rằng: “Thần ở núi ấy cứng rắn, đạo lực của ông vẫn còn yếu ớt, nếu đến đó sẽ không được an, nên thận trọng chớ đến”. Ngài Pháp Vân không nghe lời chỉ bảo, bèn đến núi đó, chưa đầy hai đêm, thần đã hiện hình xua đuổi ngài (Pháp Vân) trở về. Ngài

Pháp Vân tự tỏ bày việc ấy, mới nhớ lại lời chỉ bảo trước kia, nên rất sinh tâm kính ngưỡng Sư.

Sư có đệ tử là Sa-môn Đạo Hằng, đang tụng kinh tại phòng, tự nhiên, Sư đến gọi mà bảo rằng: “Chiều nay sẽ có vị tăng đến đây!” Nói xong, bèn nhìn xuống dưới cửa, liền thấy có một vị tăng thuần mặc áo nạp, trên tay cầm tích trượng, ôm bình bát, hình dáng tuấn tú khác với người thường, từ ngoài đi vào, cách độ vài mươi bước. Mới vào đường phía Đông liền biến mất, chỉ trong chốc lát liền nghe ở Đông sơn có tiếng chuông đồng lớn vang động cả núi hang. Sư liền bảo: “Ôi, gọi ta”. Chưa được mấy ngày sau, Sư bảo với đệ tử rằng: “Mạng ta không bao lâu nữa, hãy nấu nước thơm!” Sư tắm gội vừa xong, từ trong núi có các loài chim thú hình dáng màu sắc kỳ lạ, bình thường chẳng thấy, đều nhóm họp bên cạnh phòng Sư bay nhảy giữa hư không kêu tiếng buồn thương thảm thiết, qua ngày hôm sau mới tan.

Đến đêm mười bảy tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư ngồi kiết già, tay cầm râu chuỗi như ý mà nói Pháp, Văn từ nghĩa lý sâu xa. Giảng xong, Sư bảo đệ tử rằng: “Tôi với các ông vôi vàng gặp nhau, nay sắp vĩnh biệt, sự hội ngộ không hẹn!” Nói xong, Sư im lặng giây lâu. Các đệ tử òa khóc, Sư bèn mở mắt răn bảo rằng: “Người sinh phải có chết, vật có thì phải có chung. Tướng thế gian là như vậy. sao lại buồn thảm như thế? Nay chớ làm nao loạn ta!” Sư lại bảo: “Ta hành Thiền đến nay đã bốn mươi chín năm, lưng chẳng dính giường chông. Ta không cô phụ ân của tín thí, không cô phụ hương hỏa. Các ông muốn được gặp ta thì nên tự siêng năng hành trì đạo lực, chớ cậy nơi người!” Các đệ tử nhân đó hỏi rằng: “Chẳng hay Hòa-thượng sẽ sinh về cõi nào?” Sư đáp: “Như chỗ ta thấy trong mộng thì quả báo sẽ sinh về cõi trời Đâu-suất, cung điện màu xanh ở phía Tây Bắc của cõi trời ấy, thấy Đại sư Trí giả xung quanh có các vị trời đều ngồi trên tòa báu, chỉ có một tòa trống ta hỏi về lý do, thì được trả lời là Đại sư Quán Đảnh sau sáu năm nữa sẽ sinh lên đó nói pháp.”

Qua sáng sớm ngày mười tám, Sư bảo các đệ tử rằng: “Các ông đều phải sớm lo các thứ trai thực, mạng tôi chỉ trong khoảnh khắc!” Ngày đó, có người trong xóm lên núi thăm bệnh Sư. Sau khi ăn xong, xin từ giã trở về. Sư lại bảo: “Đã khổ nhọc từ xa đến, hãy nán ở lại trong thời gian ngắn, đợi bần đạo đi trước.” người ấy không hiểu ý, một mực từ giã không ở lại. Đang lúc đó cảnh trời trong sáng, không một áng mây che, Sư bảo người ấy rằng: “Đã không ở lại thì nên đi mau, vì trời sắp mưa!” Người ấy vừa đi trong thời gian ngắn thì trời mưa như trút.

Đến giờ ngộ ngày mười tám tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiên Đường. Sư ngồi kiết già ngay thẳng trang nghiêm, hơi thở nhẹ dần, như nhập thiền định, nhân đó không còn trở lại. Sư thọ bảy mươi hai tuổi. Bấy giờ, giữa hư không có tiếng đàn sáo, cả Đại chúng đều nghe, giây lâu mới im bật. Để yên nhục thân Sư như thế, qua ngày hôm sau mới tôn trí vào khám đá, nhan sắc Sư vẫn sáng đẹp, tay chân mềm mại chẳng khác lúc còn sống. Bèn an táng phần khám Sư ở phía trước khám của Tiên sư Trí Giả cách vài trăm bước.

8- Truyện ngài Thích Trí Mãn trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tĩnh Châu:

Thích Trí Mãn, họ Giả, người ở xứ Thái Nguyên. Sư lập ý không bình thường, chẳng đồng như các trẻ nhỏ khác. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, theo thầy tu tập. Các Pháp sư thọ nhận đều đúng như lời dạy. Năm hai mươi tuổi, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc. Luật nghi thành khuôn phép nhờ dạy răn càng mở rộng. Sư lại nghe giảng các Kinh Niết-bàn, v.v... và đều thấu rõ được đại ý yếu chỉ. Danh giáo lược tròn đủ, vị tĩnh lắng tròn nghiệp.

Sư bèn đến núi Thạch Mặc ở Thượng Đãng, nhóm chúng hành đạo. Môn đồ trang nghiêm hòa mục, các hàng tăng tục đều quy y, lễ cúng tấp nập dâng đến, nhóm chứa nhưng lại hay tan. Bấy giờ là đầu đời Tùy (581) mở mang Đại Pháp, Sư mở mang khắp nước, hoàng hóa dẫn dắt rất rộng. Nên khiến cho những người nghe được đạo phong đều mang trái đua nhau kéo đến, chúng lẫn lộn cả tinh thô, bấy giờ gồm cả lâu mau. Ban đầu, Sư thiết lập ra khoa nghi, lễ sám dùng để nhiếp tình thường, sau bèn tùy sự ưa thích mà lắng tĩnh, tư duy ngồi yên. Đích thân Sư chăm lo các pháp, gần gũi tham dự mọi việc của chúng tăng. Hình nghi Sư khuôn phép cao nhã, oai nghi mạnh mẽ trang nghiêm, mày mắt rất sáng, đen bạc xen nhau. Có người tham bái, không ai chẳng kinh thần khấp mình nổi ốc. Và đều kính mong Sư làm giới sư truyền giới bỏ-tát. Nhưng Sư chẳng hề coi trọng thân danh, không xem thường Chánh Pháp. Tuy mọi người có duyên tha thiết cầu thỉnh nhưng Sư chưa trao truyền ngay, mà gần gũi làm yết thành Phương đẳng. Hành đạo cốt yếu là lấy được minh chứng, mộng thấy Phật xoa đánh, nói pháp cho nghe, rõ ràng như tướng kinh Sư mới truyền Pháp. Nên các hàng đạo tục suy nghĩ về giới cùng nhau tìm đến không ngơi. Nhưng Sư chuyên ý về Tĩnh quán, nhằm chán sự ồn náo, bèn dời đến trụ tại tinh xá Lưu Tuyền ở

phía Nam của Đông sơn, thuộc Lê Thành. Song các hàng hiền sĩ tức tâm lại nhóm họp như rừng. Thiên quán kiêm tu, chỉ quán đều xả, chí hồng kinh xa, tùy việc hoặc trái.

Sư lại đến sông Nhạn Môn, nương tựa Thiên sư Toản, chuyên theo niệm tuệ. Thiên sư Toản là bậc Tảo cảnh trong tăng, là Nghi Vũ chốn Định Thất, lời nói và việc làm trong sáng, đầy đủ như ở Biệt Truyện. Sư than được gặp sau, nhưng tỏ bày vui mừng nương cậy có thừa. Sư theo Thiên sư Toản vân du qua các Tông tập, Sư lại nương tựa trụ chùa Khai Hóa, buộc tứ lự tu tâm. Không bao lâu, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 thời nhà Tùy) thỉnh Thiên sư Toản về kinh đô. Định môn tại đó bị tan rã, chúng bạn trái sự chỉ bày. Sư bèn chọn lựa hơn năm mươi vị có cùng chí hướng, theo phía Tây vào đất Lam Châu, an ẩn trong núi, tiếp tục Đạo Nghiệp như trước, rất cảm đến người học. Mãi đến cuối đời Tùy (618) Đạo Pháp tiêu tan, bọn trộm cướp dấy khởi như ong, dân chúng ở khắp đây trong các hang hóc, mà chúng của Sư vẫn an nhiên không giải tán, đó cũng do Đạo cảm mà nên!

Đến thời Tiền Đường, dựng lập nghĩa (618) bốn chúng đua nhau quy hướng. Sư bèn đốc suất đồng bạn vào thành đến với dân chúng mà mở Đạo. Ban đầu, Sư trụ chùa Chân Trí ở Tấn Dương. Vì tiếng tăm Sư hồng hóa rộng khắp nên mọi người quy tông như chợ. Võ Hoàng riêng ban sắc, dẫn nhọc khiến đình chỉ, hứa mời đến ở trong nhà ông, cung cấp mọi thứ cần dùng, đều xuất từ Nghĩa Phủ. Võ Hoàng đích thân đến lễ hỏi, trông thấy Sư mà khiếp sợ, xoay lại bảo với Bùi Tịch rằng: “Riêng thấy Thiên sư ấy (Trí Mãn) mà khắp mình nổi ốc là vì sao?” Bùi Tịch đáp rằng: “Không chấp tướng gì khác, nên được thần Giới che chở!” Sau đó, ngày khác Võ Hoàng lại đến hầu thăm và thưa rằng: “Đệ tử cứu giúp muôn người, nay mở mang đại nghĩa xin Sư qua lại không chướng ngại. Sẽ vì Sư mà xây chùa!” Khi đã đến Kinh liễn, trong nước tạm thái bình, niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) bèn ban sắc sửa nhà Sư đang ở thành chùa Nghĩa Hưng. Bốn việc cần dùng cúng dường đều lưu xuất từ của Quốc gia.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, vì đức hạnh Sư đáng làm cho muôn vật quy hướng, đạo phong vang xa, Vua Văn Đế muốn Sư đến ở chốn Kinh thất, bèn ban chiếu mời. Lại vì lúc đó, tại phương Bắc đang gặp rợ phiên, phía Nam đang bị xâm lấn nên trăm họ tâm tình còn kinh hãi. Vì vậy, Đô Đốc Hoàng Nông Công Lưu Nhượng, tấu trình lưu giữ Sư ở lại để trấn an tâm của quần chúng. Vua lại ban sắc đồng ý để được an cả từ triều đình đến thôn dã. Đến niên hiệu Võ

Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, giống rợ hiếm duẩn rất hăng hái dùng xe chuyển tải binh khí trang bị, ở tại Mã ấp có vị sa-môn tâm tình hùng dũng quả cảm, thường nêu giường sáng, mọi việc đều nương nhờ Sư. Nhân đó mà từ Thái Nguyên tiếp liền với Võ Hương, là nơi nhóm họp binh khí. Vua Văn Đế bèn ban sắc chọn lựa hơn hai ngàn vị tăng sung vào binh quân của hai Phủ. Đến nơi lại ban sắc rằng: “Chỉ có chùa của Đại sư Trí Mãn hạnh nghiệp thanh tịnh cao sáng có thể khởi theo lệ chọn lựa. Do đó lưu lại cảnh hạnh, tỏa sáng khắp xa gần!” Nên ngoài những người đã bị sa thải thì ai thấy Sư được sự tốt lành vui mừng, đều cùng ngợi khen. Hoặc có người bái phục giới hạnh khuôn phép. Hoặc có người nương tựa tiếp thừa tu tập mà ở, Tăng chúng thường luôn có hơn hai trăm vị, mà Sư vẫn giữ đạo nghiệp, thường không biếng trễ, tinh tấn giữa mài rất mực thành thực. Bấy giờ, hoặc có người lười biếng học hành, Sư tự thân đến gọi riêng mà dạy răn, an ủi theo Thánh lượng dắt dẫn phạm tâm. Mọi người đang tham dự tại đó không ai chẳng rơi nước mắt, mà cúi mình, nghẹn than giây lâu, đó là do tiếp thừa hành Pháp. Hạnh Sư đã cảm phát trước người, nên có được duyên giáo hóa, chẳng vọng mở mang.

Đến tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, vì động tán, nên Sư cảm thấy không được khỏe khoắn, bèn ngậm thắm như ống tro, bốn tánh Sư không nhiều động. Các môn nhân đồng nhóm họp. Sư dặn dò dạy răn khuyên gắng. Có Sa-môn Đạo Xước là người sớm có thệ nguyện rộng lớn, là bạn nhưng rất kính trọng Sư, nhân đó khuyên Sư rằng: “Pháp có Sinh diệt, Đạo ở nơi cơ duyên, quán tướng dễ vào cửa ấy, nhưng dẫm qua Không, rất hạn cuộc giai vị ấy. Xin tùy theo nói pháp gì mà có hy vọng tấn đạo!” Sư bèn trợn mắt cau mày bảo rằng: “Nhiều năm thật nghiệp mong mở mang hành trì như thế, Duyên rộng vô tướng có thể duyên. Dẫn thật đâu có chỗ dẫn? Đâu thể vì yếu Pháp trong một thời gian mà nhiều đời bị vùi lấp ư? Mong sớm từ già, chớ dấy vọng thức theo trần!” Ngài Đạo Xước lui về. Sư kiên cố giữ gìn khéo léo là như thế. Thế rồi hơi thở dần dần suy yếu, nhưng chí lực Sư còn khỏe mạnh. Thị giả vây quanh săn sóc đầy phòng thất. Sư ngồi an nhiên đưa mắt từ từ nhìn học chúng, lúc dần nhìn đến chúng tôi (Đạo Hằng) bỗng chốc Sư thị tịch, Sư thọ bảy mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng chín tháng sáu niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường.

Trước đêm, Sư thị tịch, quả đất rung chuyển, cây trong vườn chùa gãy đổ cành nhánh. Cả chúng đều thương kính, tướng buồn đau hiện ra.

Núi Thái ấy sụp đổ ư? Người của Pháp mất đi, liền loại như thế, cả xóm ấp đều chua cay thảm thiết, như có tang trong tâm họ. Đến ngày mười hai tháng đó trở lại an táng trong hang Đồng tử ở Long Sơn. Và xây dựng tháp lập bia để tán dương đức hạnh của Sư.

Từ khi Sư xả tục theo Đạo, hơn sáu mươi năm, tự trong sạch thân tâm mình như băng sương, mặc y áo thô xấu, tiết chế ăn uống, chỉ để ngăn trừ đói lạnh mà thôi. Sư từng dứt bột gạo thóc để ngăn tham nhiễm, mắt chẳng nhìn tà vậy, không nói lời rào đón, người nữ sắc đẹp với Sư không hề đối diện ngắm nhìn. Với người tuổi trẻ Sư chẳng cho ở lại qua đêm trong phòng, phải là người đã thọ giới cụ túc nhiều hạ Sư mới bảo gần gũi hầu hạ. Sư ước định thời khắc đến với chúng tăng, dùng hạnh khoa để răn dạy, ngoài ra thì ở riêng chỗ vắng phòng nhỏ, sáng sớm mới ra. Trong phòng Sư chỉ có một giường chõng, bình bát móc treo trên vách tường, và thêm tọa cụ tùy đạo, ngoài ra không có một vật gì. Đến nỗi khiến cho người nào trông thấy đều sợ hãi biến sắc, bất chợt phát sinh kính ngưỡng. Sư lại riêng thiên trọng việc cúng dường chúng tăng, siêng năng đối với cơ nghiệp, lòng từ cứu giúp kẻ nghèo khổ, có đủ các thứ thuốc thang, vôi vàng lo lắng, để vì lợi vật!

9- Truyện ngài Thích Tăng Ung trụ chùa Hóa Độ ở kinh đô:

Thích Tăng Ung, họ Quách, người ở xứ Giới Hưu thuộc Thái Nguyên. Ông nội Sư tên là Hiến, làm Thứ Sử Kinh Châu, cha của Sư tên là Thiệu, làm Thái Thú Bắc Lãng. Sư thân thức trầm tĩnh, thâm phù hợp với Thượng Đức. Nhiều đời truyền Nho nghiệp, xỉ trụ thượng tướng.

Năm mười ba tuổi, Sư từ già cha mẹ nhập Đạo đến trụ chùa Vân Môn ở Nghiệp Tây, nương tựa Sa-môn Tăng Điều mà xuất gia, ngài Tăng Điều là bậc giới hạnh khác lạ, thiên tuệ thông linh, trao cho Sư pháp thiền. Chỉ mới có vài ngày mà Ngài Tăng Điều vỗ vai Sư nói với các môn nhân rằng: năm dừng bốn niệm (Ngũ Đình Tâm Quán, Tứ niệm xứ Quán?) sẽ cùng tận ở đời nay!” Sư bèn đến núi Lâm Lự, nương gá cửa đình, vượt khỏi tâm chấp. Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu, thiêu đốt phá hủy hết Phật tượng kinh pháp, Sư lại vào núi Bạch Lộc ở dưới rừng sâu, dứt lánh xa thời loạn, ăn lá thông củ trượng. Ba buồn tắt dứt bột, trăm thứ cỏ thành khóm, các loài hươu nai nằm phục ở trước, chim rừng nhóm họp nơi tay, ban đầu lấy làm lạ, sau Sư lại dùng Phạm âm bày lễ, đốt hương tán tụng, liền có chim thú kỳ lạ nhóm họp ở sân nhà, tỏ vẻ như kính mến, lắng tâm nghe nhận lời Pháp. Nếu chẳng do hạnh cảm thì làm sao có được như thế! Từ đó, thường

giáng u linh, lời tốt đẹp cũng khó ghi chép hết.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, mở mang Phật giáo, tiếp nối hưng thịnh Huyền tông, lại liên tiếp vẻ vang khắp nơi. Có Thiền sư Tín Hạnh ở Ngụy Châu rất thông hiểu Phật pháp, là người khác đời, dùng Đạo để ẩn cư, thực hành nghiệp của đương căn, biết Sư là người lánh đời ở ẩn nơi rừng sâu, bèn sai người đến bảo rằng: “Người tu đạo lập hạnh, nên lấy việc tế độ làm đầu, nếu chỉ cầu cái tốt, cái hay cho riêng mình, thì chẳng phải điều nên làm. Nên dốc tận sức lực mở mang lợi ích, soi sáng chỉ bày cho các hàng thế tục!” Sư bèn ra khỏi núi gặp ngài Tín hạnh, đồng tu chánh tiết.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ chín (589) đời Tùy, ngài Tín Hạnh được mời vào kinh đô, bèn cùng Sư đồng đến dừng ở Đế thành, các hàng Đạo tục không ai chẳng vâng theo. Đến lúc ngài Tín Hạnh thị tịch, Sư lại phải lãnh đạo tất cả đồ chúng. Sư rất có công phu của người đảm nhiệm Trụ Trì. Đến ngày mười lăm tháng mười một niên hiệu Trinh Quán thứ năm (631) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng viện ở chùa Hóa Độ, thọ tám mươi chín tuổi. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) rất tôn kính tình sâu, ban tặng tư lụa, vì đó mà tu tạo phước lành để hồi hướng công đức. Qua ngày hai mươi hai tháng đó đón rước linh Phách đến núi Chung Nam, vâng theo di Lệnh của Sư, môn đồ cử hành lễ trà-tỳ, đầu gom xá-lợi, xây tháp thờ bên phía trái tháp ngài Tín Hạnh.

Sư có đạo phong khuôn phép chân chánh, hạnh nghiệp tinh nghiêm, nhún nhường hạ mình, hiểu rõ Đạo, che dấu công nhận, đến lúc gá chất rừng lạnh, buồn vì ràng buộc nơi triều đình thôn dã, đều vì chết thân diệt danh, ở đời chỉ có Sư mà thôi! Dám dựng lập huyền thạch đề tỏ bày lệnh Phạm, do Tả Thứ Tử Lý Bách Dực soạn Văn, Suất Canh lệnh Âu Dương Tuân viết chữ, Văn bút mới đẹp, thêm nhiều truyện Bốn, nên nhiều người ca tụng khắp cả ngoài đồng quê.

10- Truyện ngài Thích Quán Đảnh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai:

Thích Quán Đảnh, tự là Pháp Vân, họ Ngô, người ở xứ Nghĩa Hưng thuộc Thượng Châu. Đời ông nội Sư lánh đến đất Đông Âu, nhân đó chẳng trở về, nay làm người xứ Chương An của Lâm Hải. Cha của Sư qua đời rất sớm, chỉ mình mẹ nuôi dưỡng Sư. Vừa mới sinh được ba tháng, Sư còn là hài nhi mà muốn xưng danh, nghĩ xét vật loại, chẳng biết y cứ vào đâu, thường đêm, mẹ xưng niệm danh hiệu Phật Pháp Tăng, Sư bèn miệng niệm, lời câu trong trẻo rõ ràng, bà lấy làm kinh

lạ, mẫu ngài báo với Pháp Sư Tuệ Chương ở chùa Nhiếp Tĩnh. Ngài Tuệ Chương nghe bèn khen ngợi rằng: “Đứa con này chẳng phải tầm thường!” Và liền đặt tên tự cho Sư là phi phàm.

Năm bảy tuổi, Sư trở lại làm đệ tử Ngài Tuệ Chứng, hằng ngày dâng đưa Văn Từ, Huyền Nho đều giỏi, tài năng trong sáng, liền nổi tiếng ở đương thời. Năm hai mươi tuổi, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc, vâng giữ luật nghi. Bình Đức bát dậu càng là chỗ lưu tâm. Đến lúc ngài Tuệ Chứng thị tịch thì Sư mới chuyển đến tẩm gọi Pháp ở Thiên Thai, tiếp thừa thực hành giềng mối Định học không thiếu sót đầu mối.

Niên hiệu Chí Đức thứ nhất (583) đời Trần, Sư theo Thiên Chủ Trí Khải đến trụ chùa Quang Trạch, nghiên cứu bày giải quán môn, và được ấn khả. Đến lúc nhà Trần sụp đổ (589) Sư lại theo ngài Trí Khải đi ngược lên đầu dòng sông, các chốn Danh Sơn thắng địa, thấy đều có ghé thăm dừng nghỉ. Tam cung Lô Phụ, cửu Hương Hành Phong, không nơi nào Sư chẳng đến nương tựa, thưa hỏi những bậc ẩn dật còn lại. Sau, Sư đến trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, truyền pháp chuyển hóa, dạy bày cho khắp tây sở.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Tấn Vương trấn nhậm tại Dương Châu, Sư theo ngài Trí Giả đến dừng ở Hàn Câu, trụ chùa Thiên Chúng, làm vị tướng đối với Pháp, thường ngày thưa hỏi chỗ sâu kín. Không bao lâu Sư theo ngài Trí Giả trở lại hương Đông đến ở Thái nhạc. Về sau, Sư đến trụ Tinh xá Xứng Tâm, giảng Kinh Pháp Hoa, đạ sáng nền lồng, vượt đến ẩn mây. Bèn nhóm họp mọi người, mọi người đua nhau mang tráp tìm đến. Có Pháp sư Cát Tạng nhập thất ở chùa Hưng Hoàng, kết tụ trường giảng Pháp tại chùa Gia Tường, riêng nổi tiếng khắp vùng Triết Đông, nghe tại Tinh xá xứng tâm mở Đạo tốt đẹp, trong ý vẫn chưa chấp thuận. Bèn cầu mượn nghĩa ký tìm xem cặn sâu, mới biết là thể giải tâm say, có chỗ nương theo, bèn bỏ giảng tan chúng, đi về Thiên Thai, bầm thọ Pháp Hoa, phát thệ nguyện mở mang giảng nói.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, ngài Trí Giả thị hiện bị bệnh, Sư bèn chăm sóc hầu hạ sớm tối, mọi sự khó nhọc đều hết lòng. Và khi ngài Trí Giả thị tịch thì Sư ở bên cạnh tiếp thừa Di chỉ, bèn dâng tâm thư để lại và các tín vật, buồn khóc qùy trao. Tấn Vương năm vóc gieo sát đất, buồn thương rơi lệ đảnh lễ thọ nhận. Sư vâng theo lễ khách, tình thuần gần gũi Pháp. Sau đó sai Dương Châu Tổng Quản Phủ Tư Mã Vương Hoàng đưa Sư về lại núi, thiết lập trai hội cúng dường ngàn vị tăng, xây dựng chùa Quốc Thanh, tức là nơi có

dấu tích của các ngài Đàm Quang, Đạo Du đời Tấn. Chùa Phật lũng ở ngọn núi phía trước đề hiệu là Tu Thiên. Trước kia dưới đời Trần, ngài Trí Giả mới đến phía Nam của Phật Lũng cách chừng mười dặm, đất ở đó gọi là Đan Khâu, Sư kinh hành ngay thẳng, trông nhìn hiển bày xa rộng, nêu nền khắc cây, muốn dựng lập đạo tràng, nhưng chưa toại tâm mong muốn, vì thế di chúc ở tại đó! Thợ của Vương Tấn vào hang liền lo việc tu tạo xây dựng mới đặt nghiệch kéo dây, mỗi mỗi đều vâng theo ý chỉ xưa trước.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Tấn Vương vào nối tiếp, theo hướng Đông đi tuần về bốn quốc. Muôn dặm đường sông, người ở quê đều vui mừng. Sư nhờ đàn việt lên địa vị, chùa viện mới hoàn thành, nên ra núi tham dự chúc mừng, bèn được dẫn đi xem, an ủi hỏi han nhiều lớp, đối đáp như tiếng vang, lời đều có chỗ đặt để. Thần chủ vẻ vang khen ngợi. Lại sai viên ngoại Tấn Kỵ Thị Lang Trương Càn oai nghinh đưa Sư về lại chùa núi, ban thí ba ngàn vật, ba ngàn xấp đệm gĩa, thiết trai cúng dường ngàn vị tăng, tu tạo lại chùa miếu đài điện, nên trang sức xanh đỏ loạn phát sớm mai, đánh núi của thông trúc ngâm đồng tợ gấm phủ. Đó thật là sự hùng vĩ của biển Tây, xa phù hợp với lời của ngài Trí Giả, đầy đủ như trong biệt truyện về Sư.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Tấn Vương lại ban lệnh thỉnh Sư rằng: "Đầu hạ nóng bức, Đạo thể dừng nghỉ, thuyền duyệt nuôi dưỡng tinh thần, nên được tốt đẹp đến cùng. Gần đây tại đạo tràng Tuệ Nhật, hai Pháp sư Trang và Luận giảng Kinh Tịnh Danh, toàn dùng nghĩa sơ của Đại Sư Trí Giả Phán Thích Kinh Văn. Thiền sư (Quán Đảnh) đã là đệ tử tài giỏi của Đại sư, tất cả pháp môn đều phó thác cậy nhờ. Nay sai người đến thỉnh, hẳn là mong cầu như mưa trút đổ. Đồng thời Pháp Hoa kinh sơ, tùy bảo người sứ vào kinh đô! Kính trông đợi lai nghi, thư viết không thể hết ý". Sư bèn đáp, y cầm tích trượng, cao bước vào cung, suốt ba tháng hạ mở mang giáo hóa, xứng hợp tâm Tấn Vương, mừng vui cung kính. Thường đến chỗ khế hợp sâu xa, không ai chẳng tỏ bày cầu thỉnh. Và Sư tùy chỗ hỏi mà tiếp đối, bao gồm tất cả Huyền tịch. Sau, Tấn Vương sai đưa thư đón rước Sư trở về, cúng dường cấp tặng mọi vật gấp bội.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Tấn Vương coi sóc binh lính ở Trác dã, thân gần bao gồm nguyên hung, sắp muốn quấy động gồm cả Đông di để làm trong sáng Văn quý. Nhân đó hỏi mọi người chung quanh tiếp nối đầy đủ Hiên Hoàng, trước là sức mạnh chém giết hung bạo của Phán Tuyên, sau là ngợi khen hỏi Đạo của Đồng Sơn.

Nhớ nghĩ đến Đại sư Trí Giả, cảm mến nhú mày, liền ban sắc thỉnh từ xa đến chỗ hành. Sư dẫn thấy trời ngăn, bắt đầu lấy sự vui mừng của Đồng học. Lại sai Thị Lang. Ngô Mân đón rước Sư về lại chùa núi. Từ đó về sau, Vương nhân nối nhau đến phòng Sư không tháng nào trống. Sư có tâm ở chốn gò hang, dứt vết hệ lụy trong đời. Định tuê gồm tu, nói nín đều là giáo hóa. Có các bậc Danh Tăng Đại đức ở gần thành cho đến phương xa, mong được trông thấy ba Quán mười Như, cho đến Tâm, trần sứ tánh, đồng thời cúi đầu bái lạy, gieo thân thỉnh cầu Thiên Cổ. Sư đều sơ khởi tình tánh, tấm gội cõi lòng. Ba nghiệp thường thêm lớn, Phước trí không cùng tận.

Bỗng đến ngày mồng bảy tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng viện ở chùa Quốc Thanh, thọ bảy mươi hai tuổi. Mới đầu thị hiện bệnh nhẹ, không lo liệu thuốc thang chữa trị, trong phòng có mùi thơm lạ. Đến lúc sắp tịch, Sư bảo thị giả rằng: “Trong Kinh Di-lặc nói ngày Đức Phật nhập Niết-bàn, khói hương tỏa bủa như mây. Nay ông nên đốt nhiều hương, Ta sắp đi đây!” Nhân đó, Sư tỏ bày dạy răn, văn từ nghĩa lý khéo léo tha thiết. Môn nhân chúng tăng chiêm ngưỡng rơi lệ. Bỗng nhiên Sư tự ngồi dậy chấp tay như có sự kính ngưỡng, mở lời ba lần xưng niệm “A-di-đà Phật”, rồi hạ thân mình xuống nằm, duỗi tay đặt nơi tim, sắc mặt vui vẻ, an nhiên thị tịch. Khấp cả thân mình mềm mại, trên đảnh đầu ấm nóng đến qua hôm sau. Trước kia, có bạn đồng học là Sa-môn Trí Hy, là người được Đại sư Trí Giả đích thân tế độ, rất trong sáng nổi tiếng đã thị tịch vào niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, lúc sắp tịch ngài Trí Hy bảo rằng: “Tôi sinh lên cung trời Đâu-suất, thấy Tiên sư Trí Giả, và các tòa báu xếp hàng chung quanh đều có người ngồi, chỉ có một tòa trống, hỏi thì có người bảo sáu năm sau, Pháp Sư Quán Đảnh sẽ sinh lên đây nói Pháp.” Nên Sư bảo đốt hương, nếu nghiệm xét ý chỉ tức là Đức Từ tôn đến đón rước. Tính về năm để luận về kỳ hạn, thì xét thấy ngài Trí Hy không nói xằng! Qua ngày mồng chín tháng tám, bèn an táng tại núi thuộc phía Nam của chùa. Mọi người xa gần đua nhau kéo đến khóc than rầm rĩ chấn động khắp cùng hang rừng.

Mới đầu, Sư giáo hóa trong huyền tục, thần dụng nhiều phương. Có người dân quê ở Pháp Long cách núi hơn ba mươi dặm, bị bệnh sắp chết, dùng mọi cách trị liệu đều không hết. Người con vội chạy vào núi cầu cứu Sư vì đọc tụng kinh Pháp Hoa, Đốt hương Chiên đàn, người bệnh tuy ở xa, vừa nghe mùi đàn hương thoảng vào mũi, liền thuyên giảm bình phục. Lại, tại ngọn núi phía nam An Lạc, vùng ấy tên là An

Châu, cây biếc khe xanh, dòng suối uốn quanh, mọi người qua lại không thông tiện, Sư lưu luyến muốn đến xem, xoay nhìn mà phát thệ nguyện rằng: “Nếu khiến đất ở đây dần trải ra bằng phẳng thì sẽ đến đây giảng kinh”. Chưa đầy mười ngày mà cát trắng khắp ùn nổi lên bằng phẳng như kiếng ngọc. Sư vì sự cảm thông cùng hiển hiện, chẳng trái với nguyện trước, bèn đến đó giảng hai bộ Kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh, để báo đáp linh ý.

Sư từng ở chùa Nhiếp Tĩnh tại Chương An giảng Kinh Niết-bàn, gặp phải bọn hải tặc lên bày trận, các hàng tăng tục kéo nhau bỏ chạy. Sư bèn đánh chuông nhóm đến giảng, sắc mặt không tỏ vẻ khiếp sợ. Bọn giặc cầm cờ hiệu, phurôn lọng đến chùa, bỗng nhiên thấy binh lính cờ xí sáng rực cả ngày, nắm cung cầm kích, dài hơn cả trượng, hùng mạnh phấn phát. Bọn giặc trông thấy mà kinh sợ, đồng một lúc bỏ chạy tán loạn.

Sư lại từng ở tại Phật Lũng, nhân lúc rảnh việc giảng pháp, dẫn các học chúng chất đá làm tháp, cần có hai phiến riêng để làm cửa tháp. Có đệ tử của Sư là Sa-môn Đạo Quang, trước dùng xe chuyển vận một tảng đá, mọi người đều nghi là dày lớn, muốn tìm kiếm tảng đá khác, lại nhọc sức người. Sư cầm tích trượng, đưa lên đẩy, tảng đá được chuyển vận trước bỗng nhiên bị nứt ra thành hai tấm, độ dày bằng nhau, để đặt vào làm cửa tháp, rõ ràng như khế hợp từ trước, những điều linh ứng như thế thật có rất nhiều.

Sư thọ nghiệp ở Thiên Thai, lại bảm đạo tại Hành Nhạc, hai ngài Tuệ Tư, Trí Khải là bậc Tông quy của cả ba đời, có một không hai. Hoặc là Quán chiếu, hoặc là giảng đạo, thường y cứ theo Kinh Pháp Hoa. Lại giảng các Kinh Niết-bàn, Kim Quang Minh. Tịnh Danh, v.v... ngài Trí Khải có biện tài như mây bủa mưa tuôn, hoặc đồng như lưới trời chớt nghĩ đến châu Anh lạc. Có khả năng hành trì, khả năng nhận lãnh, chỉ có mình ngài (Quán Đảnh). Sư riêng ghi văn từ ý chỉ của ngài Trí Giả, và tự soạn thuật nghĩa ký, đồng thời soạn các đề mục của các Tập Văn, tất cả đều được khắc ở dưới bia.

Đệ tử Sư là Sa-môn Quang Anh, là bậc hậu sinh trội vượt, tài giỏi về giáo nghĩa, cùng chúng tăng ở chùa Quốc Thanh đồng ghi lại hành trạng của Sư, dựng lập Văn bia ấy trước cửa chùa, do Sa-môn Pháp Tuyên chùa Hoằng Thiện ở Thường Châu soạn văn, ngôn từ rất bóng bẩy, sự tích Sư thấy trong biệt tập.

11- Truyện ngài Thích Trí Tảo trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên

Thai:

Thích Trí Tảo, họ Trương, người xứ Thanh Hà. Dưới đời Tấn, Sư dời đến ngụ ở Lam Hải, ông nội Sư tên là Nguyên, làm Thương Bộ Thị Lang vào cuối đời Lương, đảm nhiệm Lâm Hải Nội Sử. Cha của Sư tên là Hoài, làm Trung bình tướng quân ở đời Trần. Sư vào độ tuổi thọ học kinh, mở lời không vọng phát, đi không thẹn với người. Bà con khắp trong thôn xóm gần gũi đều rất mến kính.

Năm Sư mười bảy tuổi, cha mẹ đều qua đời, Sư buồn thảm, tang phục mới xả, liền bị tật bệnh, trải qua nhiều năm tháng thuốc thang chữa trị đều không hiệu nghiệm, nhân trong đêm vắng, Sư cầm gậy kéo lê trong cơn bệnh ra đến giữa sân, nhìn lên ánh trăng mà nằm, nhất tâm chuyên niệm “Nguyệt Quang Bồ - tát”, chỉ nguyện Bồ-tát vận tâm Đại Bi cứu khổ bệnh lâu ngày không khỏi của con. Sư buộc niệm như thế, mới qua tuần trăng. Vào một đêm, Sư mộng thấy có một người hình sắc khác thường từ phương Đông đi đến, bảo với Sư rằng: “Nay ta cố đến trị bệnh cho người!” Và liền đưa miệng đến nơi thân thể Sư, lần lượt hít hà, ba đêm như vậy, nhân đó mà bệnh Sư có phần thuyên giảm. Sư rất biết Tam Bảo là nơi mà mình nương tựa cầu cứu, bèn cầu lìa tục. Sư đến chỗ Pháp sư Tuệ Phùng ở chùa An Tĩnh xin làm đệ tử.

Xa nghe ngài Trí Giả là bậc khuôn phép Đạo hạnh vượt hẳn các vị khác, làm người dẫn đường tốt cho cuộc đời, Sư bèn theo thuyền trôi dạt, thẳng đến núi Thiên thai, hết lòng thọ Đạo. Ngài Trí Giả bảo Sư hành trì Pháp Hoa sám hối. Đến đầu đêm của bảy ngày thứ hai (Đêm thứ tám) khi lễ sám vừa xong, trở về lại giường thiền, Sư muốn ngồi yên, bỗng thấy chín con rồng từ đất vọt lên và bay thẳng lên hư không. Đến sáng hôm sau, Sư tự dò hỏi, có người đáp là: “Như thế tức là biểu thị cho chúng sinh trong chín đường nghe Kinh Pháp Hoa, ở đời tương lai sẽ phá được Vô Minh Địa, nhập vào pháp tánh không!”.

Lại nữa, niên hiệu Chí Đức thứ tư (586) đời Trần, Vĩnh Dương Vương Bá Trí trấn nhậm tại Tiên Đô, thỉnh ngài Trí Giả đến chỗ đang trấn nhậm. Sư bèn theo thầy nhận thỉnh đến núi Cối kê. Sau khi mãn ba tháng, giã từ Vương Bá Trí, Sư đến trụ chùa Bảo Lâm, hành trì Pháp Hoa Tam-muội. Mới đầu hôm thứ nhất như có người đến lay động cánh cửa. Sư liền hỏi rằng: “Ông là ai mà trong đêm đến lay động cửa như vậy?” Liền có tiếng lớn trả lời rằng: “Ta đến coi sóc đèn đuốc!” Qua vài ba phen hỏi đáp như thế. Trong chùa đó có vị Đại đức tức Thiên sư Tuệ Thành trong đêm nghe rõ việc ấy, bảo với đệ tử rằng: “Trong phòng ấy từ trước đến nay có con ác quỷ to lớn, nay mới nghe được

tiếng ấy, hẳn là quỷ đến bắt người!” Đến lúc trời sắp sáng, ngài Tuệ Thành đến gõ cửa kêu gọi Sư, Sư chưa rồi để đáp lại thì ngài Tuệ Thành liền đi nhiều quanh phòng mà xưng rằng: “Khổ thay! Khổ thay! Người ấy đã chết rồi!” Sư liền mở cửa hỏi ý muốn nói gì. Ngài Tuệ Thành đáp: “Ông còn đó ư? Hôm qua tôi nghĩ là quỷ đã hại ông nên than như thế.” Ngài Tuệ Thành báo việc ấy với Vương Bá Trí, Vương Bá Trí sai mấy mươi người cầm gậy đến che chở. Sư bảo với người đến che chở rằng: “Tánh mạng là do nghiệp, việc che chở ấy đâu thêm được gì? Xin các nhân giả cùng nhau trở về Thành báo với Vương Bá Trí như thế!” Sau khi các người muốn che chở đã đi. Đến đêm thứ hai, Quỷ vào trong phòng, đập vách tường, đánh cột trụ khắp đông tây. Trong phòng có sáu ngọn đèn, Sư tắt hết năm ngọn, chỉ để lại một ngọn, hành đạo ngồi thiền, thản nhiên tụng kinh, không tỏ vẻ khiếp sợ. Suốt trong hai mươi mốt ngày việc thường như thế. Khi hành pháp sắp xong, thấy có một đồng tử mặc áo xanh khen rằng “Lành thay!” nói xong liền biến mất. Tuy gặp hai duyên ấy nhưng tâm Sư không lộ vẻ vui buồn.

Lại nhân có duyên sự nên Sư đến Cối kê, đường đi từ huyện Diệm, Sư đi ngang qua thôn Hiếu Hạnh mà khát thực, chủ nhân làm nấu quả Dâu có chất độc, thiết dâng cúng dường, ăn xong, Sư đi thẳng về đường trước. sau đó chủ nhân ăn dùng các thức ăn còn lại, mọi người đều bị ói mửa, v.v... có người ở bên cạnh thấy thế bèn mang thuốc đuổi tìm theo Sư, xa đến cả mười dặm mới kịp, thấy Sư vẫn thư thái bước đi không tật bệnh gì. Sư hỏi người ấy “Vì sao lại tìm theo tôi?” Người ấy kể lại sự việc trên. Sư cười mà đáp rằng: “Bần đạo không sao cả, hãy vất bỏ thuốc mà trở về, không cần phải đuổi theo tìm nữa!” Nghiệm lấy đó là do Đạo lực Sư huân tu nên chất độc không thể làm thương tổn.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) xa giá đến Giang Đô. Sư giữ lấy tăng mạng ra tham dự, yết kiến tại Nội Điện, Vua từ xa trông thấy Sư, bèn lánh chỗ, thỉnh Sư ngồi trước, thăm hỏi các thứ rồi sai Thông sự Xá Nhân Lô Chánh Phương đưa Sư về lại núi, Vì Đại Sư Trí Giả mà vua thiết trai cúng dường ngàn vị tăng. Độ bốn mươi chín người xuất gia, cúng dường chùa hai ngàn vật, ba ngàn thạch gạo và dầu thơm v.v... Lại xây dựng tường đất khắp bốn phía chung quanh chùa. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Sư lại đến Dương Châu tham kiến. Vua bèn sai cấp sự Thị Lang Hứa Thiện Tâm đưa Sư về lại núi. Lại vì Đại Sư Trí Giả, thiết trai cúng dường ngàn vị tăng, độ một trăm người xuất gia, cúng dường chùa một ngàn vật, cúng dường trai tăng mỗi vị một xấp lụa. Đến

niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) Sư lại đến quận Trác tham dự. Vua nhọc tạ từ xa đến, nên cúng dường chùa năm trăm vật, sai năm mươi người cầm gậy phòng hộ tiễn đưa Sư về lại chùa núi. Sư tám lần qua lại tham kiến Thiên tử, đều được vui mừng, cúng dường cung cấp rất nồng hậu.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi ba tuổi.

12- Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai:

Thích Phổ Minh, vốn tên là Pháp Kinh, họ Chu, người ở xứ Cối Kê. Từ thuở nhỏ chí khí tiết tháo Sư đã khác với mọi trẻ nhỏ bình thường, miệng Sư thường xưng niệm danh hiệu Phật, nhóm cát để làm việc phước, dùng các loại cây Hao Ngãi làm điện tháp, chẳng cùng kể tục cười đùa chơi giỡn, chỉ chuyên chí kính sùng pháp. Có vị Sa-môn đi khát thực, nhân đó khuyên Sư rằng: “Này chàng trai! Đã có thiện tánh, hãy đến núi Thiên Thai để xuất gia. Trong đó có vị Tứ Y Bồ - tát hiện đang giảng pháp.”

Niên hiệu Thái Kiến thứ mười bốn (582) đời Trần, Sư bèn đạp núi vượt khe tìm đến Thiên Thai, gặp ngay Đại sư Trí Giả đang ngồi giảng pháp. Sau khi Ngài giảng xong, Sư liền đến đánh lễ ngài Trí Giả nguyện xin Quy y trọn đời này được làm đệ tử. Ngài Trí Giả cười bảo: “Nhân nguyện lực xưa, nay được gặp nhau!” Sư bèn sớm tối nương tựa gần gũi hết lòng không biếng lười. Sư chuyên cầu Pháp thiền kiêm hành trì các Pháp sám Phương Đẳng, Ban-chu, Quán Âm, tụng một bộ Kinh Pháp Hoa. Niên hiệu Trinh Minh thứ nhất (587) đời Trần, Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) ban sắc đón rước ngài Trí Giả đến thành đô. Sư bèn theo đến trụ chùa Quang Trạch ở Kim Lăng. Chuyên lấy tư duy thiền quán, làm nghiệp chính. Mọi người trong giảng đường đều kính vâng theo sự xem xét của Sư.

Không bao lâu nhà Trần sụp đổ (589) ngài Trí Giả liền đến Giang Châu, trụ chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Sư đến trong nội các, nơi Thụy tượng của Đào Khản, hành trì Pháp sám Quán Âm, giữa mùa đông trong tháng mười một, mà thân Sư chẳng mặc bông tơ, khổ tiết hành đạo. Thấy một vị tăng bảo rằng: “Với tên gọi Pháp Kinh chưa phải là tên gọi tốt, hãy đổi lại là Phổ Minh, tên gọi này rõ sáng chiếu soi cả ba đời!” Sau khi lễ sám xong, Sư đến chỗ ngài Trí Giả kể lại việc đó. Ngài Trí Giả liền bảo: “Đó là do thần minh chỉ bày, nên liền đổi cũ theo mới!”

Sư lại theo ngài Trí Giả ra trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh châu. Sư từng ra bên cạnh suốt luyện nhã chuyên tư duy. Ngài Trí Giả đi ngược lại đường lên núi Thiên Thai. Các hàng đạo tục ở Giang Lăng đua nhau cùng tu tạo. Đang lúc muốn đúc đồng, bỗng có một người mù đến nhìn. Sư xem xét cơ duyên, biết là không được tốt lành, quả nhiên khi phá khuôn thì quả chuông bị khuyết, bèn gấp bội công thợ để tu tạo. Sư ước định nói với trong chúng rằng: “Hễ những người các căn không đầy đủ, thì chớ đến xem chú đúc”. Sau đó được thành tựu mỹ mãn, tiếng chuông ngân vang xa đến bảy mươi dặm. Chuông ấy nay hiện ở tại chùa Phật Lũng thượng.

Sau, Sư về lại chùa Quốc Thanh, chỗ phòng Sư ở cách nước cao xa, ở phía đầu phòng có một khoảng đất trống, thuần là đá cương. Sư bèn nghĩ rằng: “Nếu khiến đá ở đây có nước tuôn chảy thì có gì vui thích bằng”. Sau đó vài ngày tự nhiên dòng suối trong đá tuôn chảy quanh khắp cùng các phía. Tinh xá Quốc Thanh là do Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy tạo xây dựng. Sư cho rằng giảng đường nhỏ hẹp, muốn phá hủy để xây dựng rộng lớn ra, cùng thương lượng với Thiền sư Quán Đảnh. Ngài Quán Đảnh khuyên chớ sửa đổi. Có Hoạt Châu Đô Đốc Châu Hiếu Tiết xa nghe việc ấy, liền cúng thí các cây trụ gỗ sam, bông bành theo đường biển đưa đến. Ngài Quán Đảnh trông về phía Xích Thành, cảm thấy thân Sư cao lớn hơn mười trượng vượt khỏi trên rừng thông và có phụ theo chừng mấy mươi người, nên nói với Sư rằng: “Huynh chớ khổ rthiết can ngăn, sự ước nguyện chắc chắn sẽ thành tựu!” Ngài Quán Đảnh biết là thần dị, liền chấp tay đáp rằng: “Không dám can ngăn nữa! Mỗi mỗi đều y theo nhân giả!” Ngày dựng giảng đường, cảm động đến Sơn Vương. Từ sáng sớm trời đã vùn vùn, tướng trạng như sấm động, cây nghiêng cành ngã rộng cả trăm bộ, từ Phật Lũng xuống thẳng đến chùa, mãi đến lúc chiều tối thì trở lại như cũ, âm thanh đá va chạm nhau soang soảng hình thế như mới đến.

Sư lại nguyện cùng các hàng đạo tục tu tạo một pho tượng Phật Lô-xá-na ngồi, thân cao trượng sáu bằng Đồng mạ vàng để phụng thờ tại chánh điện ấy. Khi đó có một người tự xưng là ở thôn Tào Khê đến, cúng thí mười một lượng vàng vào thân tượng, hỏi về họ tên thì không chịu nói, lễ bái xong bèn từ giả lui ra. Sau đến hỏi khắp thôn đó, không có một người nào biết. Lại nữa, tại phòng Sư, vị thị giả thường nghe trong phòng có tiếng như đông người nói chuyện, lên đến nhìn dò xét xem, thì chẳng hề thấy hình bóng nào riêng khác. Và những âm thanh nghe được đều là lời khuyên tu việc lành.

Thế rồi, hóa duyên đến lúc hoàn tất, thời gian thị tịch đã tới. Một buổi sáng nọ, Sư gọi các đệ tử đến bảo rằng: “Phàm thọ mạng con người không thể thường giữ mãi. Các ông nên biết như thế!” Sư tự cởi bỏ y phục mới sạch, mặc lại y phục cũ rách, kéo áo vừa xong, bèn an nhiên thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi. Qua hai đêm sau, trong bàn tay trái Sư co quắp lại ba ngón. Đang lúc ấy ở trong phòng có hai người Vinh Thái và Nan-đề là đệ tử của Sư đang cạo tóc tắm gội, thấy việc như thế, liền báo với chủ chùa là Sa-môn Tuệ Cương, cả chúng kinh hãi nhóm họp, trong tâm buồn thương gấp bội.

Tánh Sư chẳng hề chứa để của cải riêng tư. Các châu Chiết nam, các hàng nam nữ đạo tục quy hướng không biết số lượng là bao nhiêu. Các vật cúng thí Sư có được đều tùy duyên vui vẻ ban xả. Mỗi lúc tham kiến các Đế Vương nhà Tùy, Sư đều được mời ngồi, tặng một trăm hai mươi xấp lụa, Sư đều sung vào sáu vật, chẳng lưu giữ một thước tấc. Và đều tu tạo kinh tượng, có sắc ban cúng thí làm cơ nghiệp của chúng tăng, thấy trong sách sổ của Chùa (Tự Lục). Sư tu tạo tôn tượng bằng Đồng mạ vàng lớn nhỏ tất cả có đến mười tượng đều bằng người trung bình trở lên và ngài đều hồi hướng làm của tăng thí. Sư đọc kinh tụng được hai biển, ngoài ra biên chép kinh luận, chạm trở họa vẽ điện đường, tu tạo các chùa viện, cạnh đó làm các lợi ích và các linh nghiệm, công đức phỉ dụng, vận tâm ứng niệm liền tự đưa đến để sung làm chi độ ấy. Không thể ghi đủ.

13- Truyện ngài Thích Trí Tạng trụ chùa Phong Đức, ở núi Chung Nam:

Thích Trí Tạng, họ Ngụy, người ở huyện Trịnh thuộc Hoa Châu. Năm mười ba tuổi Sư xuất gia, kính thờ Pháp Sư Ái. Bấy giờ, đang là thời Tây Ngụy. Sư trụ chùa Trắc Hồ ở Trường An. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, Sư tạm ở trong thế tục, tàng ẩn ở chỗ những người có tín tâm. Tuy Vua cấm khắc nghiệt nhưng Sư chẳng sợ luật hình, vẫn cạo tóc, mặc Pháp Phục, chẳng biến đổi theo thế tục. Mãi đến đầu đời Tùy (581) là trải qua sáu năm, Sư ẩn tích trong nhân gian, chẳng khuyết sút đạo cấm. Tự có đồng trần nhưng không phải đồng loại. Khi đời Đô Lang Thủ, Sư đến trụ chùa Đại Hưng Thiện.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Sư bói định ở gò phía Đông của hang Phong Cốc núi Chung Nam, lấy đó làm chỗ ở trọn đời, tức là chỗ đất trước kia Sư ẩn trầm. Núi sông giao gợn sáng ánh, xóm ấp trông vọng lẫn nhau. Tiếp nối các hàng tăng tục, ngày một lớn mạnh

khôn phép giáo hóa. Sau, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) ban sắc cho Tả Vệ Đại Thừa Tướng Tấn Vương Quảng đến núi diện kiến. Sư bảo rằng: “Núi và đời là khác, đến Đạo chẳng khác. Bản Đạo ở núi, thường ngày gom chứa ý, không hề đời tưởng. Bệ hạ là Thế của Quốc Chủ, chẳng đoạt vật tình là chính!” Vương Quảng trở về tấu trình đầy đủ lại, vua kinh ngạc ngợi khen giây lâu, bèn sai Nội Sử Xá Nhân Ngô Thế Cơ tuyên sắc an ủi thăm hỏi. Và ban thí các vật, lò xông dầu thơm, ba pháp y, các vật dụng lật vật v.v... Bèn ban sắc đặt hiệu tại chỗ Sư ở là chùa Phong Đức. Mỗi năm đến ba tháng hạ, Sư rộn mở khai hóa dẫn dắt, luôn lấy Luận Đại Trí Độ làm lời trước tiên. Hễ chỗ nào Sư dẫn bước lên đều lý sự ngang nhau. Các hàng sĩ nữ trong kinh ấp theo nhau truyền bá, như mây tụ đầu núi, cùng nhóm họp nghe pháp yếu.

Mãi đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618 - 627) đặt ra chức Tăng Quan. Mọi người cho là chỗ kết quy để chứa nhóm điều lành, nên tôn cử Sư giữ chức Viên Nội. Đạo mở mang, mọi vật tỏ ngộ, có hy vọng rất sâu. Tuy dự cùng Quan liêu mà thân chẳng bị ràng buộc ở thế tục. Bấy giờ lại tiếp nối trọn đời an ở tại chùa Phong Đức. Đến ngày mười lăm tháng bốn niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh, chỉ thời gian ngắn thì thị tịch tại chùa, thọ tám mươi lăm tuổi.

Sư nhập Đạo từ tuổi học trò, tự kiểm thúc thân tâm, chẳng ưa xa xỉ, chẳng thích Vinh thái. Khi đang trụ chùa Đại Hưng Thiện, các quan cúng dường rất nhiều, mà Sư vẫn nguyện đi khát thực, trọn đời bảo toàn đức hạnh. Mặc dù đảm nhận mọi công việc của chúng tăng, giữa mùa hạ mưa nhiều hay mùa Đông băng giá, nhưng chí nguyện ấy Sư vẫn không dời đổi. Chẳng bao giờ ăn dùng vật của chúng tăng. Về già, Sư ở nơi khu mộ dưới rừng cây ở ngoại ô phía Tây, tu hạnh Đầu-đà tự tĩnh lặng. Vua Văn đế đi tuần du, gặp Sư mà hết sức ngợi khen. Vua cùng các Cung nhân v.v... mỗi người tự xả thí y phục đang mặc có hơn trăm bộ. Sư bảo người trong thôn đem xe đến chở để sung vào Chùa viện, nên khiến cho Phước điện đổi thay nổi bật trang nghiêm giữa rừng. Linh tháp gác ngang trên đỉnh núi, đẹp xinh nổi lên ngoài áng mây. Đến nỗi có người đứng ở ngoại ô kinh đô mà nhìn được truyền xa kính ngưỡng.

Lại nữa, từ khi mới thọ giới Cụ túc, Sư đắp mặc Pháp y bằng vải bố thô xấu, vá chông nhiều lớp dày, nặng đến bốn cân, suốt sáu mươi lăm mùa hạ Sư chẳng hề lìa xa. Những ngày Bố-tát đều tham dự đầy đủ không hề gởi dục. Sư thường ngồi ngày ăn một bữa, cho đến lúc thị tịch. Thân hình Sư cao đến tám thước hai phân. Dáng mặt khô ngô, tướng

cao vợi như phong ngạc. Sư thường ở tại ngọn núi tròn ở phía Nam chùa hơn bốn mươi năm, mặt xoay vào hang sâu, mắt chăm nhìn đến tận khoảng trời mây, đường tắt dài bốn dặm quanh co khúc khuỷu tối tăm vướng vúi chẳng dễ leo lên, mà Sư tay cầm bình nước tắm, chân mang guốc gỗ, tới giờ ăn thì men sườn núi mà xuống, sau giờ ngộ lại trở lên, chưa bao giờ bị vấp ngã nghiêng té. Nhân đó mà nói thì Sư cũng là bậc cao sáng hùng ẩn. Sư tô đắp họa vẽ Tôn tượng cúng dường, đến nay vẫn hiện còn.

Sa-môn Tiểu Đàm trụ chùa Từ Môn ở kinh đô, kính trọng Bốn Nghiệp của Sư nên vì lập Bia ở phía bên phải cửa chùa, do Sa-môn Pháp Lâm ở Đinh Xuyên soạn văn.

14- Truyện ngài Thích Pháp Hỷ trụ chùa Tân Lương ở Ung Châu.

Thích Pháp Hỷ, họ Lý, người ở xứ Tương Dương. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, được Thiền sư Hạo làm Bảo phó cho. Thiền sư là người đạo hạnh vốn ôn hòa, có tiếng vang trong các đồng Bạn. Sau đến trụ chùa Thiền định, trước đêm sắp thị tịch, Vách tường trước phòng đang ở tự nhiên sụp đổ phía ngoài. Thiền Sư Hạo bảo rằng: “Y báo đã trái nghịch. Tôi sắp lìa đời!” Sau đó ngồi thẳng nhắm mắt như có sở duyên, mà an nhiên thị tịch. Mới đầu không ai biết.

Từ khi Sư đến nương tựa cung kính phụng hầu trải qua nhiều năm, Thiền sư Hạo chuyên tu định nghiệp, lược qua việc dạy răn. Bèn dùng Quán lượng biết người, xét về cơ độ của Sư thì mọi sự vượt trước thực hành, chẳng chĩnh túc mà thành, xét ngưỡng cảnh hạnh chỉ có đức là giúp. Tại chùa Thanh Khê ở Kinh Châu, chúng tăng có hơn bốn mươi vị, mà Sư là Sa-di nên gần gũi cúng phụng mọi thứ. Ban ngày thì lo việc củi lửa nấu thổi, đêm đến tụng tập kinh điển. Ở núi không có đèn đuốc, Sư bèn nhóm củi đốt để lấy ánh sáng, mỗi đêm tự giữ khóa lệ tụng thuộc một trang, như thế trải qua thời gian lâu, sở duyên được bén nhạy. Tuy học các kinh bộ loại nhưng Sư chỉ lấy Kinh Pháp Hoa làm chính, thường tranh thủ trong khoảng thời gian ăn xong đến khi ngủ Sư kiêm tụng một quyển. Ngoài ra thì chỉ lấy thiền nghiệp buộc niệm ở trước. Vừa có mờ tối trong tâm, thì liền ôn lại từ đầu.

Trong niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) ban sắc mời Sư đến kinh đô, trụ chùa Đại Thiền Định, cúng lễ long trọng. Sư lấy sự kiệm hành làm đầu, tiếp giúp an ủi bạn đồng tu, khiêm nhường rộng rang thành đức. Bèn có Xá-lợi

răng Phật là vật quý báu của làng vua. Đặt tên Đài báu, tôn trí ở nhà trên. Các vật quý báu đầy mắt, nhưng người không đức hạnh thì chẳng thấy. Đại chúng cho Sư là bậc giải hạnh ngầm thông, u vi thường giảng hiện, bèn giao phó Đạo tràng cho Sư đảm nhiệm coi sóc. Ngài liền lập ra giảng mỗi, cúng dường ngày đêm tiếp thừa kính ngưỡng.

Sư lại vì thầy là Thiên sư Hạo lúc thị tịch ý muốn thâm gia bị linh sáng, nên Sư nguyện tụng ngàn biến Kinh Pháp Hoa. Nhân đó chẳng ở tại phòng cũ, chỉ thuần nhiều quanh chùa tháp, với hai oai nghi Đi và ngồi, phát thế thấu cùng Bốn nguyện, vừa đủ số tám trăm biến, sớm tối tinh tấn buộc tâm không tán loạn, Sư cảm thấy có sự chuyển đổi, vui vẻ khỏe mạnh. Chư tăng cả chùa cùng trông thấy có con trâu trắng buộc giá xe báu đi vào phòng Sư, bèn tìm đến xem, thì không hề thấy dấu vết. Mới biết là do cảm với u thông nên có toại ý giáo môn, nhưng Sư nhún nhường tự giữ, tu tạo như mới đầu.

Có những người bệnh khổ, không luận là khách mới cũ, Sư đều chu cấp thăm hỏi gân gũi chữa trị. Đến chỗ các thứ phần tử dơ bẩn, Sư đều dội rửa sạch sẽ. Cho nên cái khổ của tật bệnh là cái mà người đời đều xem thường, nhưng Sư đều không phân biệt dơ tiện, tâm tình càng vui mừng gấp bội, lấy làm việc thường của mình. Cho đến nếu có các hàng tăng tục ở khắp xa gần bị bệnh cùng đến, thì Sư đều vui vẻ an ủi tâm họ, để trọn báo loại ấy. Hoặc có người từ ngoài đến hỏi bệnh, Sư đều vì người bệnh mà trình bày sự khổ. Có người hỏi về nguyên do. Sư bảo: “Người bệnh bị sự khổ nào buộc ràng lại đến hỏi khiến cho tăng thêm mà thôi!”.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Hữu Bộc Xạ Tiêu chuộng phụng huy phong hoàng độ của Sư, bèn thỉnh Sư đến trụ ở đó. Bấy giờ là thời mở vận, nhưng vẫn còn đói kém. Những người kính mến Đạo nghĩa ở bốn phương lần lượt tìm đến cửa núi (chùa). Sư bèn giảm bớt tối đa mọi sự ăn mặc để sung vào việc giúp cho người thiếu thốn. Mọi người thọ nhận trở về sống và làm việc thường. Nên Sư là người được đại chúng tôn sùng. Hễ có người nghi ngờ thì Sư thường giải thích cho họ hiểu và hội thông được yếu chỉ nghĩa lý, hiển bày ở tâm thần. Nhưng Sư thực hành trầm lặng kín đáo, nên rất cuộc khó ghi chép đầy đủ! Người viết truyện (Đạo Hằng) cùng ở chỗ mà đến cho nên thuật lại đại khái.

Sau, Sư bèn lui về tự tu dưỡng, ra khỏi chúng tăng đến gò phía Nam Ly Sơn, làng đó tên là Lô Lăng, tức là thành xưa chín thế kỷ, phía Bắc giáp với núi Lệ Đài, phía Nam đối diện với gò Hách Tư, liền khe

với rừng sâu, là nơi nhóm họp của các bậc tiên hiền. Sư bèn bói chọn nơi đó làm nhà ở, bèn có chí muốn trọn đời ở tại đó. Sư dốc chí giữa mài rèn luyện đệ tử, dẫn dụ chỉ dạy dân chúng ở núi, Phước đầu tội cuối, mười phần được tám, chín. Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, ban đêm đi được phân nửa, thấy có mấy ngọn đuốc lớn sáng từ phía Nam đi đến, hướng thẳng vào phòng nhà ở núi. Kẻ tăng người tục kinh hãi, lo sợ đó là bọn giặc cướp, bèn báo trình việc ấy với Sư. Sư bảo: “Điềm ứng ấy không có gì đáng lo, chỉ nên tự tu nghiệp.” Đến lúc đến tìm xem, không ai biết được nguyên do. Tại chỗ Sư ở thường giáng hiện những điềm lành, đều đại loại như thế.

Đến mùa xuân niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường bắt đầu bị bệnh nhẹ, Sư tự biết mình không còn sống bao lâu nữa, có người gượng đem thuốc đến trị bệnh, Sư không hề chịu uống. Đến ngày mười hai tháng mười một, Sư mới bảo với môn nhân đệ tử rằng: “Vô thường đã đến, chớ bày việc rầm rĩ náo loạn, phải nên im lặng tĩnh lự, thấy tôi xả bỏ thân thức, chớ để cho người lạ liến vào trong phòng! Và luôn luôn xưng rằng ”Ba cõi luống dối, chỉ là nhất Tâm!” “Đại chúng bỗng nghe từ phía bắc rừng có tiếng âm nhạc và xe chấn động. Nhân đó báo với Sư, Sư bảo: “Quả báo thế gian từ lâu đã xả bỏ, vì sao lại sinh về cõi vui thú, rốt cuộc là ràng buộc phiền lụy!” Sư bèn lại nhập định, chỉ phút chốc mọi âm thanh đều im bật. Có mùi hương thơm xông khắp. Tối đầu canh năm, Sư an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch, thọ sáu mươi một tuổi. Hình sắc Sư sáng sạch như thường trú trong định.

Mới đầu, vào những ngày bình thường, Sư đến khắp núi non hiểm trở, đến một chỗ Sư ngài thị tịch, tăng chúng trong chùa thấy nghi mạo Sư trang nghiêm vởi vởi, nên không nỡ làm theo lời Sư, bèn đục núi làm huyệt, muốn an táng trong đó. Một đêm, tuyết dữ bỗng nhiên phủ khắp dày hơn cả thước, phủ khắp chung quanh đến hai dặm, lấp bít đường núi. Mọi người bèn mở đường đón rước đi. Giữa đường ngài giáng thần vào một vị đệ tử và bảo: “Ta muốn để lộ bày thi thể ở ngoài núi hoang để bố thí chúng sinh, vì sao lại trái nghịch bốn chí của ta? Tuyết phủ kín lối hẹp, hãy nên dừng lại nghĩ đi.” Đại chúng không theo lời Sư, bèn tôn trí vào trong hang, trải qua thời gian lâu mà vẫn sừng sững không thối rã. Tống Quốc Công đích thân đến chiêm ngưỡng, thấy thần sắc Sư vẫn như lúc còn sống, bèn khen ngợi và trở về. Sau đó có người lấy làm lạ vì sao không rã hoại, bèn vào gỡ áo nạp Sư lên, mới thấy bị các loài vật gặm nhấm, từ đầu cổ trở xuống thì xương khô sáng đẹp. Rõ ràng lấy đó mà luận thì thật là chỗ cùng tốt của Chí nguyện!

Vả lại, từ tuổi nhập học, Sư bèn đã y cứ vào Đạo, kính thờ chiêm ngưỡng các bậc Danh sư. Thiên chúng ở chùa Thanh Khê và dân chúng trong nước tán dương, đích thân được chiêm ngưỡng phụng dưỡng. Nên được cảnh hạnh thành sáng, ngày một tỏ rạng thanh thái. Thêm vì, Sư rất kính trọng giới luật, hễ nghe thì liền y cứ hành trì. Tính nghiệp phân công, dẫm từng bước bóng mà ăn. Bấy giờ, có lúc hơi biết là sai liền để trống bữa qua không. Ngày rằm, ngày ba mươi mỗi tháng sám hối tẩy tịnh lắng sạch tâm Bồ-tát. An ủi cấp giúp người nghèo khổ hẳn là việc thường, mặc áo xấu, ăn vật dở là chí thường luôn của Sư. Nhẹ nhàng thanh thoát, cứu giúp, được khen ngợi ở Đông giao.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 19 hết).